ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH TUYÊN QUANG **BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **383**/QĐ-MTTQ-BVĐCT	*Tuyên Quang, ngày 28 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai

BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về việc vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Hướng dẫn số 16/HD-MTTW-BVĐCT ngày 03/10/2025 của Ban vận động cứu trợ Trung ương hướng dẫn về mức hỗ trợ một số nội dung chi từ nguồn đóng góp tự nguyện quy định tại Điều 11, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 07-TB/TU ngày 01/10/2025 Thông báo kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại cuộc họp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai do bão số 10; Thông báo số 08-TB/TU ngày 03/10/2025 Thông báo kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại cuộc làm việc với Đảng ủy phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2 trong công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai do bão số 10;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-MTTQ-BVĐCT ngày 03/9/2025 của Ban vận động cứu trợ tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban vận động cứu trợ tỉnh;

Căn cứ Thông báo kết luận số 175/TB-MTTQ-BVĐCT ngày 23/10/2025 của Ban vận động cứu trợ tỉnh về Cuộc họp thống nhất triển khai phân bổ hỗ trợ Nhân dân khắc phục thiệt hại do bão số 10 và mưa lũ sau bão từ nguồn kinh phí tiếp nhận tại tài khoản Ban vận động cứu trợ tỉnh;

Căn cứ Tờ trình số 217/TTr-SNNMT ngày 21/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Đề xuất nhu cầu kinh phí hỗ trợ làm nhà mới, sửa chữa nhà ở cho các hộ bị ảnh hưởng bão số 10 và mưa lũ gây ra (đợt 1);

Xét đề nghị của Tổ giúp việc Ban vận động cứu trợ tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Trích số tiền **23.080.000.000** đồng *(Hai mươi ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng)* từ nguồn cứu trợ tiếp nhận tại tài khoản của Ban vận động cứu trợ tỉnh vào tài khoản của Ban vận động cứu trợ của 59 xã, phường để hỗ trợ cho 376 hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, làm mới và sửa chữa nhà ở. Trong đó:

+ Làm nhà ở mới: 205 hộ (62 hộ nghèo; 30 hộ cận nghèo; 113 hộ khác), số tiền 16.510.000.000 đồng.

+ Sửa chữa nhà ở: 171 hộ (61 hộ nghèo; 22 hộ cận nghèo; 88 hộ khác); số tiền 6.570.000.000 đồng.

(Có danh sách các xã, phường, hộ gia đình kèm theo)

* Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ làm nhà ở mới: Đối với hộ nghèo 100 triệu đồng/hộ; đối với hộ cận nghèo 80 triệu đồng/hộ; hộ khác 70 triệu đồng/hộ.

+ Hỗ trợ sửa chữa nhà ở: Đối với hộ nghèo 50 triệu đồng/hộ; đối với hộ cận nghèo 40 triệu đồng/hộ; hộ khác 30 triệu đồng/hộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thành viên Ban vận động cứu trợ trợ tỉnh là Sở Tài chính hướng dẫn hồ sơ, quy trình, cách thức giải ngân nguồn kinh phí hỗ trợ để nguồn kinh phí hỗ trợ được người dân sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

Thành viên là Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về đối tượng, số lượng, kinh phí đề nghị phân bổ hỗ trợ.

Tổ giúp việc Ban vận động cứu trợ tỉnh tham mưu văn bản của Ban vận động cứu trợ tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã phối hợp với các hộ gia đình được hỗ trợ quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, đúng quy định nguồn kinh phí được hỗ trợ.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ban vận động cứu trợ các xã, phường tiếp nhận nguồn cứu trợ; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai việc hỗ trợ, đảm bảo kịp thời, đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả nguồn kinh phí được hỗ trợ. Triển khai hỗ trợ, quyết toán kinh phí tại Điều 1 nêu trên đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính hiện hành của Nhà nước. Lưu, quản lý hồ sơ chứng từ quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ban vận động cứu trợ 59 xã, phường (theo danh sách tại Điều 1); Văn phòng, Ban Tuyên giáo, công tác xã hội cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Tổ giúp việc Ban vận động cứu trợ tỉnh Tuyên Quang; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (Thực hiện);
- TT Tỉnh uỷ (Báo cáo);
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UB MTTQ VN tỉnh;
- Các thành viên BVĐCT tỉnh (thay BC);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đảng ủy 59 xã, phường (theo DS tại Điều 1);
- Báo và phát thanh TH Tuyên Quang;
- Lưu VT, KT, Ban TG,CTXH(Hương).

TM. BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Việt Khánh
Phó Chủ tịch Uỷ ban MTTQ Việt Nam
tỉnh Tuyên Quang

DANH SÁCH

Các xã được phân bổ hỗ trợ về nhà ở cho các hộ gia đình bị thiệt hại do bão số 10 và mưa lũ gây ra

(Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-MTTQ-BTT ngày 28/10/2025 của Ban vận động cứu trợ tỉnh)

Thống kê hộ bị thiệt hại do thiên tai và nhu cầu đề nghị (làm nhà mới, sửa chữa nhà cũ)																Kinh phí hỗ trợ								
STT	Tên xã	Số khẩu	Gia đình người có công (Thương, bệnh binh; liệt sỹ...)	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Tổng kinh phí (Tr.đ)	Đổ, sập, trôi hoàn toàn; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 100 triệu/hộ; cận nghèo 80 triệu/hộ; hộ khác 70 triệu/hộ				Nhà bị hư hỏng nặng; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 50 triệu/hộ; cận nghèo 40 triệu/hộ; hộ khác 30 triệu/hộ			
				Thiệt hại hoàn toàn (trên 70 %)	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)		*Tổng số*	Đối tượng hộ			*Tổng số*	Đối tượng hộ				Tổng số	Đối tượng hộ			Tổng số	Đối tượng hộ		
									Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác
1	*2*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=(12+16)*	*12 = (13+14+15)*	*13*	14	*15*	*16=(17+18+19+*	*17*	*18*	*19*	*20=21+25*	*21=22+23+24*	*22*	*23*	*24*	*25=26+27+28*	*26*	*27*	*28*
Tổng cộng		**1,705**	**7**	**91**	**156**	**127**	**376**	**205**	**62**	**30**	**113**	**171**	**61**	**22**	**88**	**23,080**	**16,510**	**6,200**	**2,400**	**7,910**	**6,570**	**3,050**	**880**	**2,640**
1	Xã Lũng Cú	107		11	3	6	20	20	8	5	7					1,690	1,690	800	400	490				
2	Xã Đồng Văn	20		2	1	1	4	3	1		2	1			1	270	240	100		140	30			30
3	Xã Sà Phìn	10		3			3	3	3							300	300	300						
4	Xã Phố Bảng	2		1			1	1	1							100	100	100						
5	Xã Sơn Vĩ	63		5	6		11	11	4		7					890	890	400		490				
6	Xã Mèo Vạc			1			1	1			1					70	70			70				
7	Xã Niêm Sơn	21				3	3	2	1	1		1	1			230	180	100	80		50	50		
8	Xã Khâu Vai	7				1	1					1	1			50					50	50		
9	Xã Thắng Mố	92		13	3	2	18	16	6	2	8	2	1	1		1,410	1,320	600	160	560	90	50	40	
10	Xã Bạch Đích	58			4	6	10	1			1	9	8		1	500	70			70	430	400		30
11	Xã Yên Minh	298	1	3	38	21	62	29	8	8	13	33	14	3	16	3,650	2,350	800	640	910	1,300	700	120	480
12	Xã Mậu Duệ	65			11		11	3		2	1	8	6	1	1	600	230		160	70	370	300	40	30
13	Xã Đường Thượng	20			2	2	4	2	1	1		2	1		1	260	180	100	80		80	50		30
14	Xã Quản Bạ	5			3	1	4	2	1	1		2	1		1	260	180	100	80		80	50		30
15	Xã Lùng Tám	5			1		1	1	1							100	100	100						
16	Xã Yên Cường	27			3		3	3		1	2					220	220		80	140				
17	Xã Bắc Mê	142		13	10	10	33	12	4	1	7	21	3	2	16	1,680	970	400	80	490	710	150	80	480

STT	Tên xã	Số khẩu	Gia đình người có công (Thương, bệnh binh; liệt sỹ...)	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Tổng kinh phí (Tr.đ)	Đổ, sập, trôi hoàn toàn; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 100 triệu/hộ; cận nghèo 80 triệu/hộ; hộ khác 70 triệu/hộ				Nhà bị hư hỏng nặng; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 50 triệu/hộ; cận nghèo 40 triệu/hộ; hộ khác 30 triệu/hộ			
				Thiệt hại hoàn toàn (trên 70 %)	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)		*Tổng số*	Đối tượng hộ			*Tổng số*	Đối tượng hộ				Tổng số	Đối tượng hộ			Tổng số	Đối tượng hộ		
									Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác
1	*2*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=(12+16)*	*12 = (13+14+15)*	*13*	14	*15*	*16=(17+18+19+*	*17*	*18*	*19*	*20=21+25*	*21=22+23+24*	*22*	*23*	*24*	*25=26+27+28*	*26*	*27*	*28*
18	Xã Giáp Trung	12			1	4	5					5		4	1	190					190		160	30
19	Xã Minh Sơn				1		1					1			1	30					30			30
20	Phường Hà Giang 2	8		1	1	1	3	3	1		2					240	240	100		140				
21	Xã Lao Chải	9		2		1	3	2	1		1	1			1	200	170	100		70	30			30
22	Xã Thuận Hòa	9			1	1	2	1			1	1			1	100	70			70	30			30
23	Xã Linh Hồ	17		3			3	3	3							300	300	300						
24	Xã Vị Xuyên	115		4	22	2	28	26	2	3	21	2			2	1,970	1,910	200	240	1,470	60			60
25	Xã Thượng Sơn	31				5	5					5	3		2	210					210	150		60
26	Xã Tân Quang	4			1		1	1			1					70	70			70				
27	Xã Liên Hiệp	8		1			1	1	1							100	100	100						
28	Xã Hùng An	9				2	2	2			2					140	140			140				
29	Xã Đồng Yên	31		5	4		9	5			5	4			4	470	350			350	120			120
30	Xã Yên Thành	2			1		1					1			1	30					30			30
31	Xã Tiên Nguyên	10			1	1	2	1	1			1	1			150	100	100			50	50		
32	Xã Tiên Yên	20				5	5					5	1	1	3	180					180	50	40	90
33	Xã Bằng Lang	29			2	4	6	2			2	4			4	260	140			140	120			120
34	Xã Quang Bình	37			5	1	6					6	2	2	2	240					240	100	80	60
35	Xã Thông Nguyên	29			2	4	6	4			4	2		2		360	280			280	80		80	
36	Xã Tân Tiến	8			2		2	2	2							200	200	200						
37	Xã Hoàng Su Phì	35			4	6	10					10	2	1	7	350					350	100	40	210
38	Xã Thàng Tín	4				1	1					1			1	30					30			30
39	Xã Bản Máy	23			4		4	4	1	1	2					320	320	100	80	140				
40	Xã Pờ Ly Ngài	30		6			6	6	5	1						580	580	500	80					
41	Xã Xín Mần	122		5	2	15	22	5	3	1	1	17	11	3	3	1,210	450	300	80	70	760	550	120	90

STT	Tên xã	Số khẩu	Gia đình người có công (Thương, bệnh binh; liệt sỹ...)	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Tổng kinh phí (Tr.đ)	Đổ, sập, trôi hoàn toàn; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 100 triệu/hộ; cận nghèo 80 triệu/hộ; hộ khác 70 triệu/hộ				Nhà bị hư hỏng nặng; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 50 triệu/hộ; cận nghèo 40 triệu/hộ; hộ khác 30 triệu/hộ			
				Thiệt hại hoàn toàn (trên 70 %)	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)		*Tổng số*	Đối tượng hộ			*Tổng số*	Đối tượng hộ				Tổng số	Đối tượng hộ			Tổng số	Đối tượng hộ		
									Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác
1	*2*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=(12+16)*	*12 = (13+14+15)*	*13*	14	*15*	*16=(17+18+19+*	*17*	*18*	*19*	*20=21+25*	*21=22+23+24*	*22*	*23*	*24*	*25=26+27+28*	*26*	*27*	*28*
42	Xã Nấm Dần	8				2	2					2			2	60					60			60
43	Xã Trung Thịnh	16		1	1	5	7	1	1			6	1	1	4	310	100	100			210	50	40	120
44	Xã Quảng Nguyên	18	5	5		1	6	5		1	4	1			1	390	360		80	280	30			30
45	Xã Lâm Bình	7			2		2	1	1			1		1		140	100	100			40		40	
46	Xã Nà Hang	36	1	5	1	7	13	6			6	7			7	630	420			420	210			210
47	Xã Chiêm Hóa	27			5	1	6	5			5	1			1	380	350			350	30			30
48	Xã Kim Bình	6			1		1	1			1					70	70			70				
49	Xã Yên Nguyên				1		1	1			1					70	70			70				
50	Xã Trung Hà	8		2			2	2			2					140	140			140				
51	Xã Bạch Xa	4				1	1					1			1	30					30			30
52	Xã Hàm Yên	4			2		2	2			2					140	140			140				
53	Xã Lực Hành	4		1			1	1	1							100	100	100						
54	Xã Kiến Thiết	7			2		2					2	1		1	80					80	50		30
55	Xã Sơn Dương	2			1		1					1	1			50					50	50		
56	Xã Kiên Đài	6				1	1	1		1						80	80		80					
57	Xã Trung Sơn	6				1	1					1	1			50					50	50		
58	Xã Minh Thanh	9				2	2					2	1		1	80					80	50		30
59	Xã Hồng Sơn	2			1		1	1			1					70	70			70				

DANH SÁCH

Hỗ trợ hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do bão số 10 và mưa lũ gây ra

(Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-MTTQ-BTT ngày 28/10/2025 của Ban vận động cứu trợ tỉnh)

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
Tổng cộng							**376**	**205**	**62**	**30**	**113**	**171**	**61**	**22**	**88**	**23,080**
1		**Xã Bạch Xa**	**4**			**1**	**1**					**1**			**1**	**30**
		Thôn Thăm Bon														
	1	Đặng Văn Ánh	4			x	**1**					1			1	30
2		**Xã Mậu Duệ**	**65**		**11**		**11**	**3**		**2**	**1**	**8**	**6**	**1**	**1**	**600**
		Thôn Nà Mòn	**7**													
	2	Vàng A Nguyên	7		x		**1**					1	1			50
		Thôn Nà Luông	**6**													
	3	Hầu Dùng Cho	6		x		**1**	1			1					70
		Thôn Lầu Khắm	**8**													
	4	Cháng A Chèm	8		x		**1**					1	1			50
		Thôn Phiêng Trà	**4**													
	5	Cháng A Tắc	4		x		**1**	1		1						80
		Thôn Nà Đé	**3**													
	6	Sùng Sính Mua	3		x		**1**					1	1			50
		Thôn Tà Chủ	**8**													
	7	Hoàng A Phà	8		x		**1**					1	1			50
		Thôn Kéo Hẻm	**6**													
	8	Lầu Nó Sình	6		x		**1**					1	1			50
		Thôn Ngam La	**5**													
	9	Tần A Bàu	5		x		**1**					1			1	30
		Thôn Khuân Sảng	**7**													
	10	Mua Vả Sính	7		x		**1**					1		1		40
		Thôn Khuân Vinh	**6**													
	11	Chảo Pà Páo	6		x		**1**					1	1			50
		Thôn Phiêng Chom	**5**													
	12	Phàn A Bành	5		x		**1**	1		1						80
3		**Xã Quảng Nguyên**	**18**	**5**		**1**	**6**	**5**		**1**	**4**	**1**			**1**	**390**
		Thôn Cao Sơn	**8**													
	13	Triệu Ỳ Chỏi	5	x			**1**	1			1					70
	14	Triệu Ỳ Phấu	3	x			**1**	1			1					70
		Thôn Nậm Lỳ														
	15	Triệu Chàn Nhàn (A)		x			**1**	1			1					70
		Thôn Nậm Choong	**3**													
	16	Đặng Văn Nhụi	3			x	**1**					1			1	30
		Thôn Khâu Rom	**7**													
	17	Lù Đức Năm	7	x			**1**	1		1						80
		Thôn Vinh Quang														
	18	Phượng Chỏi Lụa		x			**1**	1			1					70
4		**Xã Lực Hành**	**4**	**1**			**1**	**1**	**1**							**100**
		Thôn Đán Khao														
	19	Nông Văn Phụng	4	1			**1**	1	**1**							100
5		**Xã Nà Hang**	**36**	**5**	**1**	**7**	**13**	**6**			**6**	**7**			**7**	**630**
		Thôn Đán Khao														
	20	Nguyễn Văn Tuấn	7	1			**1**	1			1					70
		Thôn 13														
	21	Nguyễn Văn Phượng	**4**		**1**		**1**	1			1					70
	22	Nguyễn Văn Tuấn	7	1			**1**	1			1					70
		Thôn 2														
	23	Đào Minh Tuấn	2	1			**1**	1			1					70
	24	Đào Thị Thêu	1	1			**1**	1			1					70
	25	Quan Thị Thinh	1	1			**1**	1			1					70
	26	Quan Văn Hoài	4			1	**1**					1			1	30
	27	Trần Thị Hiền	1			1	**1**					1			1	30
	28	Nguyễn Xuân Đô	1			1	**1**					1			1	30
	29	Nguyễn Quang Trung	1			1	**1**					1			1	30
	30	Nguyễn Thị Bỉ	2			1	**1**					1			1	30
	31	Dìu Thị Tâm	1			1	**1**					1			1	30

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
		Thôn 6														
	32	Ma Quang Sóng	4			1	**1**					1			1	30
6		**Xã Thượng Sơn**	**31**			**5**	**5**					**5**	**3**		**2**	**210**
		Thôn Lùng Vùi														
	33	Triệu Quầy Và	8			1	**1**					1			1	30
	34	Lý Vằn Tô	8			1	**1**					1	1			50
	35	Lý Chòi Siệu	5			1	**1**					1			1	30
		Thôn Bản Khóec														
	36	Đặng Văn Thiền	4			1	**1**					1	1			50
	37	Hoàng Kim Thiền	6			1	**1**					1	1			50
7		**Xã Liên Hiệp**	**8**	**1**			**1**	**1**	**1**							**100**
		Thôn Thượng Nguồn	**8**													
	38	Hoàng Seo Pao	8	1			**1**	1	1							100
8		**Xã Quang Bình**	**37**		**5**	**1**	**6**					**6**	**2**	**2**	**2**	**240**
		Thôn Nặm Qua														
	39	Triệu Vàn Pú	7		1		**1**					1			1	30
	40	Triệu Vằn Kinh	4		1		**1**					1		1		40
		Thôn Phù Lá														
	41	Ly Chính Phúc	4		1		**1**					1		1		40
		Thôn Nà Mèo														
	42	Hoàng Văn Cởi	7			1	**1**					1			1	30
		Thôn Thượng Sơn														
	43	Vàng Văn Nam	6		1		**1**					1	1			50
		Thôn Nam Bình														
	44	Cháng Seo Chùa	9		1		**1**					1	1			50
9		**Xã Trung Hà**	**8**	**2**			**2**	**2**			**2**					**140**
		Thôn Khuôn Nhòa														
	45	Phùng Minh Thành	5	1			**1**	1			1					70
		Thôn Lang Chua														
	46	Trịnh Văn Út (con Trịnh Văn Vĩnh; chủ hộ)	3	1			**1**	1			1					70
10		**Xã Sà Phìn**	**10**	**3**			**3**	**3**	**3**							**300**
		Thôn Lũng Thầu														
	47	Vừ Mí Ly	1	1			**1**	1	1							100
		Thôn Phìn Sả														
	48	Sùng Mí Nhù	*3*	1			**1**	1	1							100
		Thôn Là Chúa Tủng														
	49	Vừ Phái Lử	6	1			**1**	1	1							100
11		**Xã Yên Nguyên**		**1**	**1**	**1**	**1**	**1**			**1**					**70**
		Thôn Hợp Long 2														
	50	Vương Văn Thắng	5		1		**1**	1			1					70
12		**Xã Giáp Trung**	**12**		**1**	**4**	**5**					**5**		**4**	**1**	**190**
		Thôn Bó Lóa														
	51	Chảo Văn Chén	6			1	**1**					1		1		40
		Thôn Nà Viền														
	52	Đặng Văn Đồn	6		1		**1**					*1*			1	30
	53	Hoàng Văn Thinh	5			1	**1**					*1*		1		40
		Thôn Nà Bó														
	54	Trương Văn Thi	4			1	**1**					1		1		40
	55	Bồn Văn Đài	6			1	**1**					1		1		40
13		**Xã Lâm Bình**	**7**		**2**		**2**	**1**	**1**			**1**		**1**		**140**
		Thôn Nà Co														
	56	Lò A Chài	3		1		**1**	1	**1**							100
	57	Hoàng Văn Hàm	4		1		**1**					**1**		1		40
14		**Xã Hàm Yên**	**4**		**2**		**2**	**2**			**2**					**140**
		Thôn 1 Thuốc Thượng														
	58	Hoàng Thị Dung	2		1		**1**	1			1					70
		Thôn 2 Việt Thành														
	59	Hoàng Thị Thắng	2		1		**1**	1			1					70
15		**Xã Tân Tiến**	**8**		**2**		**2**	**2**	**2**							**200**
		Thôn Ma Lù Súng														
	60	Thèn Văn Phong	3		1		**1**	1	1							100
		Thôn Cốc Lầy														

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	61	Lù Văn Phong	5		1		**1**	1	1							100
16		**Xã Đường Thượng**	**20**		**2**	**2**	**4**	**2**	**1**	**1**		**2**	**1**		**1**	**260**
		Thôn Cờ Cải														
	62	Ly Mí Sử	4			1	**1**					**1**	1			50
		Thôn Chúng Pả														
	63	Giàng Chừ Chơ	8			1	**1**					**1**			1	30
		Thôn Lũng Hồ 2														
	64	Lù Mí Lềnh	6		**1**		**1**	1		1						80
	65	Vừ Sáu Vàng	2		1		**1**	1	1							100
17		**Xã Chiêm Hoá**	**27**		**5**	**1**	**6**	**5**			**5**	**1**			**1**	**380**
		Thôn Vĩnh Quý														
	66	Đoàn Thị Thơm	3		1		**1**	1			1					70
		Thôn Nà Coóc														
	67	Đặng Thế Oai	*4*		*1*		**1**	1			1					70
		Thôn Ngoan A														
	68	Hà Hùng Sáng	5		1		**1**	1			1					70
	69	Hoàng Văn Sình	7		1		**1**	1			1					70
		Thôn Nà Thoi														
	70	Vũ Công Khẩn	4		1		**1**	1			1					70
		Thôn Vĩnh Thái														
	71	Vương Thị Hoa	4			1	**1**					1			1	30
18		**Xã Mèo Vạc**		**1**			**1**	**1**			**1**					**70**
		Thôn Hấu Chua														
	72	Vàng Mí Chả		1			**1**	**1**			1					70
19		**Xã Minh Sơn**			**1**		**1**					**1**			**1**	**30**
		Thôn Ngọc trì														
	73	Nguyễn Văn Vững			1		**1**					1			1	30
20		**Xã Phố Bảng**	**2**	**1**			**1**	**1**	**1**							**100**
		Thôn Cá Lủng														
	74	Giàng Mí Cáy	2	1			**1**	1	1							100
21		**Xã Đồng Văn**	**20**	**2**	**1**	**1**	**4**	**3**	**1**		**2**	**1**			**1**	**270**
		Thôn Bản Mồ														
	75	Hoàng A Chuồng	4	1			**1**	1			1					70
		Thôn Má Tìa														
	76	Ly Mí Sính	*5*	*1*			**1**	1	*1*							100
		Thôn Thài Phìn Tủng														
	77	Sùng Mí Pó	2		1		**1**	1			1					70
		Thôn Khía Lía														
	78	Lầu Vả Chỏ	9			1	**1**					1			1	30
22		**Xã Lũng Cú**	**107**	**11**	**3**	**6**	**20**	**20**	**8**	**5**	**7**					**1,690**
		Thôn Má Lầu A														
	79	Vàng Chá Sò	7	1			**1**	1		1						80
	80	Giàng Mí Dình	6	1			**1**	1			1					70
	81	Giàng Mí Thà	4	1			**1**	1	1							100
	82	Vàng Mí Súng	5	1			**1**	1			1					70
	83	Giàng Mí Chơ	6	1			**1**	1	1							100
	84	Giàng Mí Dính	5	1			**1**	1			1					70
	85	Vàng Mí Sau	8	1			**1**	1		1						80
		Thôn Cẳng Tằng														
	86	Giàng Nhìa Lúa	8		*1*		**1**	1			1					70
		Thôn Ma Sí B														
	87	Sùng Mí Và	5	1			**1**	1	1							100
		Thôn Tắc Tằng														
	88	Lò Văn Thắng	4			1	**1**	1		1						80
		Thôn Ma Xí A														
	89	Hờ Mí Sính	5	1			**1**	1	1							100
		Thôn Thèn Pả														
	90	Vàng Sìa Sính	6	1			**1**	1	1							100
		Thôn Tả Giao Khâu														
	91	Mua Pháy Dư	4	1			**1**	1			1					70
		Thôn Ma Sí B														
	92	Mua Mí Say	2		1		**1**	1	1							100

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	93	Ly Mí Mua	5		1		**1**	1		1						80
	94	Sùng Sìa Hờ	6			1	**1**	1		1						80
		Thôn Ma Sí A														
	95	Ly Mí Pó	10			1	**1**	1	1							100
	96	Hầu Và Lình	6			1	**1**	1			1					70
		Thôn Khai Hoang														
	97	Vàng Mí Say	2			1	**1**	1			1					70
	98	Mua Mí Say	3			1	**1**	1	1							100
23		**Xã Quản Bạ**	**5**		**3**	**1**	**4**	**2**	**1**	**1**		**2**	**1**		**1**	**260**
		Thôn Ngài Thầu Sảng														
	99	Ly Di Hòa	5		1		**1**					1	1			50
		Thôn Bình Dương														
	100	Trần Vần Mìn (*Vùng có nguy cơ sạt lở*)	6		1		**1**	1		1						80
	101	Tần Phủng Sèng (*Vùng có nguy cơ sạt lở*)	8			1	**1**	1	1							100
		Thôn Nam Sơn														
	102	Cháng Mí Mỷ	5		1		**1**					1			1	30
24		**Xã Tiên Yên**	**20**			**5**	**5**					**5**	**1**	**1**	**3**	**180**
		Thôn Tân Bể														
	103	Tả Văn Hòa	4			1	**1**					1			1	30
	104	Hoàng Văn Nhạ	5			1	**1**					1			1	30
		Thôn Sơn Nam														
	105	Hoàng Văn Biết	*3*			1	**1**					1		1		40
		Thôn Yên Chàm														
	106	Tả Văn Sức	*3*			1	**1**					1			1	30
		Thôn Hạ Quang														
	107	Hoàng Văn Giáp	5			1	**1**					1	1			50
25		**Xã Sơn Vĩ**	**63**	**5**	**6**		**11**	**11**	**4**		**7**					**890**
		Thôn Khai Hoang I (Thượng Phùng Cũ)														
	108	Giàng Mí Chứ	6	1			**1**	1	1							100
	109	Giàng Mí Sính	7	1			**1**	1	1							100
		Thôn Hoa Cà														
	110	Hờ Mí Lềnh	4		1		**1**	1			1					70
		Thôn Khai Hoàng III, (Xín Cái cũ)														
	111	Hạ Mí Súng	5		1		**1**	1	1							100
		Thôn Lủng Chư														
	112	Thò Mí Sò	4		1		**1**	1			1					70
		Thôn Phe Thán														
	113	Hoàng Xuân Định	4		1		**1**	1			1					70
	114	Hứa Văn Háng	7		1		**1**	1			1					70
		Thôn Xéo Hồ														
	115	Sình Mí Cơ	7		1		**1**	1	1							100
		Thôn Thín Ngài														
	116	Sùng Vản Sính	6	1			**1**	1			1					70
		Thôn Páo Sảng														
	117	Sùng Mí Chính	4	1			**1**	1			1					70
		Thôn Ngài Trồ														
	118	Ly Mí Thò	9	1			**1**	1			1					70
26		**Xã Khâu Vai**	**7**			**1**	**1**					**1**	**1**			**50**
		Thôn Làng Tỉnh Dào B														
	119	Giàng Mí Già	7			1	**1**					1	1			50
27		**Xã Đồng Yên**	**31**	**5**	**4**		**9**	**5**			**5**	**4**			**4**	**470**
		Thôn Đồng Hương														
	120	Trăng Văn Huế	4	1			**1**	1			1					70
	121	Hoàng Thị Thiều	4	1			**1**	1			1					70
	122	Trăng Văn Lạc	3		1		**1**					1			1	30
	123	Hoàng Ngọc Chấn	3		1		**1**					1			1	30
		Thôn Bưa														
	124	Hà Đức Sền	*3*	*1*			**1**	1			*1*					70
	125	Hoàng Kim Viên	4		1		**1**					1			1	30
	126	Hoàng Thế Hạng	4		1		**1**					1			1	30

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
		Thôn Đồng Kem														
	127	Lường Thị Thuỳ Chi	5	1			**1**	1			1					70
		Thôn Vĩnh Chà														
	128	Hoàng Văn Thoả	1	1			**1**	1			1					70
28		**Xã Thàng Tín**	**4**			**1**	**1**					**1**			**1**	**30**
		Thôn Ngài Trồ														
	129	Vàng Văn Thức	4			1	**1**					**1**			1	30
29		**Xã Niêm Sơn**	**21**			**3**	**3**	**2**	**1**	**1**		**1**	**1**			**230**
		Thôn Cốc Pại														
	130	Sùng Mí Già	9			1	**1**					1	1			50
		Thôn Nà Pinh														
	131	Sùng Mí SÌ	4			1	**1**	1	1							100
		Thôn Nà Cuổng II														
	132	Mua Mí Lầu	8			1	**1**	1		1						80
30		**Xã Yên Cường**	**27**		**3**		**3**	**3**		**1**	**2**					**220**
		Thôn Bản Nghè														
	133	Bàn Văn Póc	5		1		**1**	1		1						80
	134	Bàn Văn Đòng	9		1		**1**	1			1					70
		Thôn Bản Trà														
	135	Bàn Văn Lợi	13		1		**1**	1			1					70
31		**Xã Sơn Dương**	**2**		**1**		**1**					**1**	**1**			**50**
		Thôn Tứ Thông														
	136	Hứa Sỹ Phi	2		1		**1**					1	1			50
32		**Xã Vị Xuyên**	**115**	**4**	**22**	**2**	**28**	**26**	**2**	**3**	**21**	**2**			**2**	**1,970**
		Thôn Tân Tiến														
	137	Phạm Văn Chuyền	6	1			**1**	1			1					70
	138	Đinh Thị Mỹ	2	1			**1**	1			1					70
	139	Nguyễn Thị Lá	5	1			**1**	1		1						80
	140	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	2	1			**1**	1		1						80
	141	Kiều Hồng Sang	5			1	**1**					1			1	30
		Thôn Làng Mới														
	142	Đỗ Văn Cường	4			1	**1**					1			1	30
		Thôn Làng Vàng II														
	143	Hoàng Xuân Mai	9		1		**1**	1			1					70
	144	Đặng Văn Sáng	4		1		**1**	1			1					70
	145	Nguyễn Văn Tài	2		1		**1**	1	1							100
	146	Hà Văn Đắc	6		1		**1**	1			1					70
	147	Hà Văn Huỳnh	4		1		**1**	1			1					70
	148	Đặng Thị Pày	2		1		**1**	1			1					70
	149	Phàn Văn Kiên	2		1		**1**	1			1					70
	150	Đặng Văn Đùi	7		1		**1**	1			1					70
	151	Phàn Thị Hoa	6		1		**1**	1			1					70
	152	Phàn Văn Si	4		1		**1**	1			1					70
	153	Đặng Văn Vàn	3		1		**1**	1			1					70
	154	Đặng Thị Sửu	1		1		**1**	1		1						80
	155	Đặng Văn Công	5		1		**1**	1			1					70
	156	Đặng Văn Toòng	7		1		**1**	1			1					70
	157	Đặng Văn Thách	3		1		**1**	1			1					70
	158	Đặng Văn Dân	5		1		**1**	1			1					70
	159	Trương Văn Thuỳ	4		1		**1**	1			1					70
	160	Nguyễn Việt Thắng	2		1		**1**	1			1					70
	161	Hoàng Văn Đoàn	4		1		**1**	1	1							100
	162	Hoàng Văn Thành	3		1		**1**	1			1					70
		Thôn 14														
	163	Nguyễn Văn Trưởng	4		1		**1**	1			1					70
	164	Hoàng Văn Dũng	4		1		**1**	1			1					70
33		**Xã Yên Minh**	**298**	**3**	**38**	**21**	**62**	**29**	**8**	**8**	**13**	**33**	**14**	**3**	**16**	**3,650**
		Thôn Khai Hoang 2														
	165	Vừ Mí Say	6			1	**1**					1	1			50
		Thôn Bản Chang														
	166	Nguyễn Văn Dích	4		1		**1**					1			1	30
		Thôn Lao Và Chải														
	167	Vàng Mí Pó	6			1	**1**					1	1			50

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	168	Vàng Chá Thào	5			1	**1**					1	1			50
	169	Vàng Phái Lềnh	9			1	**1**					1	1			50
	170	Vừ Mí Lứ	8			1	**1**					1	1			50
	171	Vừ Súa Và	8		1		**1**	1			1					70
	172	Vừ Mí Chúng	3		1		**1**	1			1					70
		Thôn Là Lũng														
	173	Giàng Thị Chúa	5		1		**1**					1	1			50
		Thôn Nậm Ngái														
	174	Lý Thìn Cao	4			1	**1**					1		1		40
		Thôn Túng Tẩu														
	175	Vàng Mí Lềnh	6			1	**1**					1	1			50
	176	Giàng Chá Và	8	1			**1**					1			1	30
		Thôn Nà Mạ														
	177	Đỗ Xuân Chiều	6		1		**1**					1			1	30
	178	Giàng Văn Đoàn	4		1		**1**	1			1					70
		Thôn Khâu Lý														
	179	Mùng Văn Hương	4			1	**1**					1	1			50
	180	Nguyễn Trọng Nghĩa	5			1	**1**					1			1	30
		Thôn Nà Quang														
	181	Nguyễn Thị Kiên	2		1		**1**					1			1	30
	182	Nguyễn Thị Huy	3		1		**1**	1			1					70
	183	Tải Thị Duyên	6		1		**1**	1			1					70
	184	Nguyễn Văn Nghiệp	4	1			**1**	1		1						80
		Thôn Po Mu														
	185	Cháu Minh Lù	4		1		**1**	1			1					70
	186	Vàng Văn Trường	7		1		**1**	1	1							100
	187	Vần Mí Sính	4		1		**1**	1	1							100
		Thôn Nà Nhuông														
	188	Hoàng Văn Bằng	3			1	**1**					1			1	30
		Thôn Lùng Vái														
	189	Lù Thị Dung	6	1			**1**	1	1							100
	190	Lù A Yêu	5		1		**1**	1			1					70
		Thôn Lao Sì Lủng														
	191	Và Chá Pó	8		1		**1**					1			1	30
	192	Và Chúa lầu	6		1		**1**					1			1	30
		Thôn Bản Trưởng														
	193	Nguyễn Văn Niêm	4		1		**1**	1		1						80
		Thôn Bản Lò														
	194	Mùng A Hiên	4		1		**1**	1			1					70
		Thôn 6														
	195	Lâm Minh Đường	4			1	**1**					1			1	30
	196	Nguyễn Văn Hùng	3			1	**1**					1	1			50
		Thôn Nà Trò														
	197	Lục Văn Quy	4		1		**1**					1			1	30
		Thôn Chi sang														
	198	Thào Mí Pó	7		1		**1**	1	1							100
	199	Thào Mí Hờ	4		1		**1**	1			1					70
		Thôn Xín Chải														
	200	Lù Chúng Dình	12		1		**1**	1	1							100
	201	Lù Chá Dính	9		1		**1**					1	1			50
	202	Lù Mí Nu	5		1		**1**	1			1					70
		Thôn Bản Uốc														
	203	Hò A Phìn	3		1		**1**	1		1						80
	204	Hoàng Văn Sơn	5		1		**1**					1	1			50
		Thôn Nà Noong														
	205	Hà Đức Minh	3			1	**1**					1			1	30
		Thôn Đầu Cầu														
	206	Vương Thị Hướng	2			1	**1**					1			1	30
		Thôn Bản Xương														
	207	Hò A Dùng	7		1		**1**					1			1	30
		Thôn Tu Đoóc														
	208	Tháng Manh Tiến	6		1		**1**	1			1					70
	209	Tháng A Lâm	4		1		**1**	1			1					70

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	210	Tháng Văn Quý	4		1		**1**	1			1					70
	211	Tháng A Lèng	2		1		**1**	1	1							100
	212	Tháng A Thi	4		1		**1**	1	1							100
	213	Mùng Văn Đường	4			1	**1**					1			1	30
	214	Tháng Minh Phụ	4			1	**1**					1			1	30
	215	Hò A Đạo	2			1	**1**					1	1			50
		Thôn Bục Bản														
	216	Vàng Văn Quân	4			1	**1**					1		1		40
	217	Hò Văn Khuynh	3		1		**1**	1		1						80
	218	Hò A Khiên	5		1		**1**	1		1						80
	219	Lục Thị Bình	3		1		**1**	1		1						80
	220	Cháu Thị Dương	2		1		**1**	1		1						80
	221	Vàng Văn Huân	4		1		**1**					1			1	30
	222	Phan Hữu Chiến	4			1	**1**					1	1			50
	223	Phan thị Xuân	3		1		**1**	1		1						80
		Thôn Nà Rược														
	224	Hò A Chương	4		1		**1**					1		1		40
	225	Vàng Văn Mìn	6			1	**1**					1	1			50
		Thôn Phiêng Trà														
	226	Tần chủng Dìn	5			1	**1**	1	1							100
34		**Xã Bắc Mê**	**142**	**13**	**10**	**10**	**33**	**12**	**4**	**1**	**7**	**21**	**3**	**2**	**16**	**1,680**
		Thôn Pắc Mìa														
	227	Hán Ngọc Đăng	8		1		**1**					1			1	30
	228	Phạm Thị Sen	2		1		**1**					1			1	30
	229	Hoàng Thị Cứu	3		1		**1**					1			1	30
	230	Sằm Văn Phúc	4		1		**1**					1			1	30
	231	Mai Xuân Thuyên	3		1		**1**					1			1	30
	232	Nguyễn Thị Lượng	4	1			**1**					1			1	30
	233	Nguyễn Thị Mận	5			1	**1**					1			1	30
	234	Trần Quang Cảnh	2	1			**1**	1			1					70
	235	Nguyễn Thị Thơm	4	1			**1**	1			1					70
	236	Nông Thị Uy	3	1			**1**	1			1					70
	237	Trần Văn Giang	4	1			**1**	1			1					70
		Thôn Nà Pâu														
	238	Phan Văn Long	4			1	**1**					1			1	30
		Thôn Bản Noong														
	239	Chu Thị Tình	4	1			**1**	1	1							100
	240	Hoàng Thị Lanh	3	1			**1**	1	1							100
	241	Hoàng Xuân Mạo	6			1	**1**					1		1		40
		Thôn Nà Nèn														
	242	Nguyễn Văn Hinh	5	1			**1**	1	1							100
		Thôn Bản Sáp														
	243	Trần Văn Thìn	3	1			**1**	1	1							100
		Thôn Yên Cư														
	244	Bồn Văn Nhàn	4	1			**1**	1		1						80
	245	Đặng Thị Thính	2			1	**1**					1	1			50
		Thôn Giáp Yên														
	246	Đặng Văn Sân	5		1		**1**					1	1			50
	247	Đặng Văn Săn	4		1		**1**					1	1			50
		Thôn Bản Khén														
	248	Nguyễn Văn Thiết	6			1	**1**					1			1	30
	249	Lã Văn Thài	5			1	**1**					1			1	30
	250	Nguyễn Văn Chinh	7		1		**1**					1			1	30
	251	Nguyễn Văn Khoát	4			1	**1**					1		1		40
	252	Nguyễn Xuân Đỗ	6		1		**1**					1			1	30
	253	Phan Văn Thoát	6			1	**1**					1			1	30
	254	Nguyễn Thị Hảo	2		1		**1**					1			1	30
	255	Lã Văn Nhớ	8			1	**1**					1			1	30
		Thôn Nà Đon														
	256	Bồn Văn Quản	4			1	**1**					1			1	30
		Thôn Pắc Sáp														
	257	Nguyễn Tiến Tiến	4	1			**1**	1			1					70

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	258	Nguyễn Văn Tuấn	4	1			**1**	1			1					70
	259	Nguyễn Đức Bắc	4	1			**1**	1			1					70
35		**Xã Hồng Sơn**	**2**		**1**		**1**	**1**			**1**					**70**
		Thôn Kim Xuyên	**2**		1											
	260	Đoàn Thị Thuận	2		1		**1**	1			1					70
36		**Xã Kiến Thiết**	**7**		**2**		**2**					**2**	**1**		**1**	**80**
		Thôn Đồng Khẩn														
	261	Phạm Thị Quy	2		1		**1**					1			1	30
		Thôn Khuổi Khít														
	262	Sàng Seo Nhà	*5*		*1*		**1**					1	*1*			50
37		**Xã Thắng Mố**	**92**	**13**	**3**	**2**	**18**	**16**	**6**	**2**	**8**	**2**	**1**	**1**		**1,410**
		Thôn Lùng Pủng A														
	263	Mua Mí Thào	5	1			**1**	1	1							100
	264	Mua Dũng Lình	8	1			**1**	1			1					70
	265	Cháng Mí Pó B	7		1		**1**	1	1							100
	266	Mua Mí Sử	6	1			**1**	1		1						80
	267	Giàng Mí Sử	10	1			**1**	1	1							100
		Thôn Sủng Sảng														
	268	Vàng Mí Nồ	10			1	**1**					1		1		40
		Thôn Hồng Ngài C														
	269	Sính Mí Phỏng	5		1		**1**	1			1					70
	270	Mua Mí Vư	5		1		**1**	1	1							100
		Thôn Hồng Ngài B														
	271	Vừ Sè Phứ	4	1			**1**	1			1					70
		Thôn Cháng Lộ														
	272	Cứ Mí Sử	4	1			**1**	1	1							100
	273	Mua Mí Chính	4	1			**1**	1			1					70
	274	Mua Mí Dình	3	1			**1**	1			1					70
	275	Giàng Sính Hồ	3	1			**1**	1		1						80
	276	Giàng Chừ Páo	8	1			**1**	1	1							100
	277	Giàng Sè Sính		1			**1**	1			1					70
	278	Giàng Mí Cháng B	9	1			**1**	1			1					70
		Thôn Mào Phố B														
	279	Giàng Sáy Lầu		*1*			**1**	1			*1*					70
		Thôn Suối Tỷ														
	280	Giàng Thị Sính	1			1	**1**					1	1			50
38		**Xã Trung Thịnh**	**16**	**1**	**1**	**5**	**7**	**1**	**1**			**6**	**1**	**1**	**4**	**310**
		Thôn Ngài Thầu														
	281	Giàng Seo Sần	1	1			**1**	1	1							100
		Thôn Na Mớ														
	282	Ly Văn Tiến	4			1	**1**					1			1	30
		Thôn Sủng Lẳm														
	283	Hoàng Văn Kim	6		1		**1**					1			1	30
		Thôn Nàng Vạc														
	284	Lù Văn Đức	5			1	**1**					1		1		40
		Thôn Cốc Đông 2														
	285	Cháng Văn Kinh	6			1	**1**					1			1	30
		Thôn Lùng Vai														
	286	Vàng Thị Cọt	4			1	**1**					1			1	30
		Thôn Hô Sán														
	287	Giàng Seo Sèo	4			1	**1**					1	1			50
39		**Xã Kim Bình**	**6**		**1**		**1**	**1**			**1**					**70**
		Thôn Vĩnh Bảo														
	288	Nguyễn Thị Thái	6	-	1	-	**1**	1			1					70
40		**Xã Linh Hồ**	**17**	**3**			**3**	**3**	**3**							**300**
		Thôn Đội 5														
	289	Sùng Mí Sa	6	1			**1**	1	1							100
	290	Sùng Mí Dế	5	1			**1**	1	1							100
	291	Chảo Thị Mủi	6	x			**1**	1	1							100
41		**Xã Hoàng Su Phì**	**35**		**4**	**6**	**10**					**10**	**2**	**1**	**7**	**350**
		Thôn Bản Cậy														
	292	Dương Văn Chuyền	3		1		1					1			1	30
	293	Hoàng Văn Hiếu	4		1		1					1	1			50

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
		Thôn Nắm Ản														
	294	Sin Sảo Chỉ	4			1	1					1			1	30
		Thôn Thiêng Khum Hạ														
	295	Nguyễn Văn Lệnh	4			1	1					1			1	30
		Thôn 4														
	296	Lộc Xuân Chảo	6		1		1					1			1	30
	297	Vương Văn Giang	3			1	1					1		1		40
		Thôn Cao Sơn 2														
	298	Lý Kim Lào	5			1	1					1			1	30
		Thôn 1														
	299	Hoàng Quốc Toàn	2		1		1					1			1	30
		Thôn Cán Chỉ Dền														
	300	Sèn Văn Nam				1	1					1			1	30
		Thôn Nà Hu														
	301	Giàng Seo Dương	4			1	1					1	1			50
42		**Xã Bạch Đích**	**58**		**4**	**6**	**10**	**1**			**1**	**9**	**8**		**1**	**500**
		Thôn Na Pô														
	302	Phàn Chỉn Tiến	6		1		**1**	1			1					70
	303	Lý Seo Sáng	6		1		**1**					1	1			50
	304	Tẩn Chỉn Phà	2			1	**1**					1	1			50
		Thôn Đoàn Kết														
	305	Phàn Tờ Mìn	7			1	**1**					1			1	30
		Thôn Thèn Phùng														
	306	Vấn Chỉn Dùng	*7*		*1*		**1**					1	*1*			50
	307	Tẩn Thìn Phù	*3*		*1*		**1**					1	*1*			50
		Thôn Lùng Vái 1														
	308	Lù Chẩn Thoa	6			1	**1**					1	1			50
		Thôn Na Sàng 3														
	309	Lục Văn Vẻ	7			1	**1**					1	1			50
		Thôn Phú Tỷ I														
	310	Phàn A Póc	8			1	**1**					1	1			50
		Thôn Na Kinh														
	311	Lý Vần Cò	6			1	**1**					1	1			50
43		**Xã Bản Máy**	**23**		**4**		**4**	**4**	**1**	**1**	**2**					**320**
		Thôn Tả Chải														
	312	Tráng Chín Tồng	5		1		**1**	1	1							100
		Thôn Phủng Cá														
	313	Vương Đức Chinh	6		1		**1**	1			1					70
		Thôn Lùng Cẩu														
	314	Lý Văn Sơn	5		1		**1**	1		1						80
		Thôn Pu Mo														
	315	Vương Chính Phong	7		1		**1**	1			1					70
44		**Xã Pờ Ly Ngài**	**30**	**6**			**6**	**6**	**5**	**1**						**580**
		Thôn Suôi Thầu														
	316	Vàng Seo Lao	4	1			**1**	1	1							100
		Thô Thèn Ván														
	317	Hầu Seo Xà	*4*	1			**1**	1	1							100
	318	Giàng Seo Giáo	9	1			**1**	1	1							100
	319	Giàng Seo Dì	5	1			**1**	1	1							100
	320	Giàng Seo Sử A	4	1			**1**	1	1							100
	321	Giàng Seo Da	4	1			**1**	1		1						80
45		**Xã Xín Mần**	**122**	**5**	**2**	**16**	**22**	**5**	**3**	**1**	**1**	**17**	**11**	**3**	**3**	**1,210**
		Thôn Cốc Tủm														
	322	Vàng Văn Chỉ	6		1		**1**					1		1		40
		Thôn Đông Lợi														
	323	Ly Chín Phong	*5*		*1*		**1**					*1*	*1*			50
	324	Lùng A Phà	*6*			*1*	**1**					*1*			1	30
		Thôn Suối Thầu 1														
	325	Tẩn Văn Sơn B	*6*	*1*			**1**	*1*			*1*					70
	326	Phàn Văn Thèn	*5*			*1*	**1**					*1*			1	30
		Thôn Khâu Táo														
	327	Lèng Văn Chương	5			1	**1**					1		1		40
		Thôn Sả chải														

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	328	Sèn Sín Chi	6			1	**1**					1	1			50
	329	Lù Tin Lăm	6			1	**1**					1	1			50
	330	Vùi Ngẫm Thiêm	5			1	**1**					1	1			50
	331	Ly Đức Dương	6	1			**1**	1	1							100
		Thôn Díu Hạ														
	332	Vương Văn Phô	6			1	**1**					1			1	30
	332	Long Tiến Chi	5			1	**1**					1	1			50
	334	Vương Tiến Chương	4			1	**1**					1		1		40
		Thôn Díu Thượng														
	335	Nông Văn Dương	6			1	**1**					1	1			50
	336	Lù Chính Thắng	5			1	**1**					1	1			50
	337	Sùng Kháy Min	5			1	**1**					1	1			50
	338	Ma Seo Tinh	6			1	**1**					1	1			50
		Thôn Péo Suôi Ngài														
	339	Sùng Dùng Lao	7			1	**1**					1	1			50
		Thôn Chí Cà Thượng														
	340	Ma Seo Tính	5			1	**1**					1	1			50
		Thôn Ngam Lim														
	341	Lùng Seo Lương	6	1			**1**	1	1							100
		Thôn Na Lũng														
	342	Long Đức Tiến	5	1			**1**	1		1						80
		Thôn Na Sai														
	343	Vàng Diu Văn	6	1			**1**	1	1							100
46		**Xã Thông Nguyên**	**29**		**2**	**4**	**6**	**4**			**4**	**2**		**2**		**360**
		Thôn Sơn Quang														
	344	Phùng Văn Chìu	4			1	**1**					1		1		40
		Thôn Bản Giàng														
	345	Hoàng Văn Cường	6		1		**1**	1			1					70
	346	Đặng Văn Kế	6			1	**1**	1			1					70
	347	Triệu Mùi Pú	4			1	**1**					1		1		40
		Thôn Pắc Pèng														
	348	Triệu Chòi Chiêm	5			1	**1**	1			1					70
		Thôn Xuân Thành														
	349	Đặng Sùn Sín	4		1		**1**	1			1					70
47		**Xã Nấm Dẩn**	**8**			**2**	**2**					**2**			**2**	**60**
		Thôn Nấm pé														
	350	Lèng Văn Đông	*4*			*1*	***1***					*1*			1	30
		Thôn Vai Lũng														
	351	Xin Kháy Vần	4			1	***1***					*1*			1	30
48		**Xã Bằng Lang**	**29**		**2**	**4**	**6**	**2**			**2**	**4**			**4**	**260**
		Thôn Thượng														
	352	Lê Mạnh Kinh	5			1	**1**					1			1	30
	362	Phàn Văn Hiên	7			1	**1**					1			1	30
		Thôn Trung														
	364	Hoàng Anh Tuấn	4		1		**1**	1			1					70
	355	Nguyễn Văn Huy	4			1	**1**					1			1	30
		Thôn Thượng Bằng														
	356	Xôn Văn Man	6		1		**1**	1			1					70
		Thôn Xuân Phú														
	357	Nguyễn Văn Nam	3			1	**1**					1			1	30
49		**Xã Tân Quang**	**4**		**1**		**1**	**1**			**1**					**70**
		Thôn Tân Thắng														
	358	Nguyễn Thị Vân	4		1		**1**	1			1					70
50		**Xã Lao Chải**	**9**	**2**		**1**	**3**	**2**	**1**		**1**	**1**			**1**	**200**
		Thôn Tả Ván	**9**	**2**												
	359	Triệu Quang Minh	4	1			**1**	1	1							100
	360	Bồn Văn Giàng	5	1			**1**	1			1					70
		Thôn Bản Phùng				1										
	361	Vàng Seo Lòng				1	**1**					1			1	30
51		**Xã Thuận Hoà**	**9**		**1**	**1**	**2**	**1**			**1**	**1**			**1**	**100**
		Thôn Mịch A														
	362	Phàn Văn Chanh	5			1	**1**					1			1	30
	363	Nguyễn Lưu Niệm	4		1		**1**	1			1					70

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Kinh phí hỗ trợ
									Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Hộ			Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
52		**Xã Hùng An**	**9**			**2**	**2**	**2**			**2**					**140**
		Thôn Giàn Thượng														
	364	Đặng Văn Lực	5			1	**1**	1			1					70
		Thôn Thượng Cầu														
	365	Đặng Văn Mạnh	4			1	**1**	1			1					70
53		**Phường Hà Giang 2**	**8**	**1**	**1**	**1**	**3**	**3**	**1**		**2**					**240**
		Tổ 9 Quang trung														
	366	Hoàng Tuấn Kiệt	3	1			**1**	1			1					70
		Tổ 5 Quang Trung														
	367	Phạm Thị Sâm	2		1		**1**	1			1					70
		Tổ 2 Ngọc Hà														
	368	Trần Thị Tuyết	3			1	**1**	1	1							100
54		**Xã Tiên Nguyên**	**10**		**1**	**1**	**2**	**1**	**1**			**1**	**1**			**150**
		Thôn Xuân Hoà														
	369	Xiếm Tà Sơn	4		1		**1**	1	1							100
		Thôn Xuân Hồng														
	370	Hoàng Văn Hạc	6			1	**1**					1	1			50
55		**Xã Trung Sơn**	**6**			**1**	**1**					**1**	**1**			**50**
		Thôn Ngòi Nghìn														
	371	Lù Seo Vần	6			1	**1**					1	1			50
56		**Xã Yên Thành**	**2**		**1**		**1**					**1**			**1**	**30**
		Thôn Bản Rịa														
	372	Hoàng Thị Chiến	2		1		**1**					1			1	30
57		**Xã Kiên Đài**	**6**			**1**	**1**	**1**		**1**						**80**
		Thôn Khun Cúc														
	373	Vì Thị Lô	6			1	**1**	1		1						80
58		**Xã Lùng Tám**	**5**		**1**		**1**	**1**	**1**							**100**
		Thôn Nà Sài														
	374	Cháng Tải Nguyên	5		1		**1**	1	1							100
59		**Xã Minh Thanh**	**9**			**2**	**2**					**2**	**1**		**1**	**80**
		Thôn Cò														
	375	Ma Quang Biên	6			1	**1**					1			1	30
		Thôn Đồng Quan														
	376	Ma Văn Công	3			1	**1**					1	1			50

DANH SÁCH

Các xã được phân bổ hỗ trợ về nhà ở cho các hộ gia đình bị thiệt hại do bão số 10 và mưa lũ gây ra

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MTTQ-BTT ngày 28/10/2025 của Ban vận động cứu trợ tỉnh)

Thống kê hộ bị thiệt hại do thiên tai và nhu cầu đề nghị (làm nhà mới, sửa chữa nhà cũ)																Định mức áp dụng hỗ trợ theo quyết định 284/QĐ-MTTQ-BVĐCT ngày 03/9/2025 của Ban vận động cứu trợ tỉnh								
STT	Tên xã	Số khẩu	Gia đình người có công (Thương, bệnh binh; liệt sỹ...)	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Tổng kinh phí (Tr.đ)	Đổ, sập, trôi hoàn toàn; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 100 triệu/hộ; cận nghèo 80 triệu/hộ; hộ khác 70 triệu/hộ				Nhà bị hư hỏng nặng; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 50 triệu/hộ; cận nghèo 40 triệu/hộ; hộ khác 30 triệu/hộ			
				Thiệt hại hoàn toàn (trên 70 %)	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)		*Tổng số*	Đối tượng hộ			*Tổng số*	Đối tượng hộ				Tổng số	Đối tượng hộ			Tổng số	Đối tượng hộ		
									Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác
1	*2*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=(12+16)*	*12 = (13+14+15)*	*13*	14	*15*	*16=(17+18+19+*	*17*	*18*	*19*	*20=21+25*	*21=22+23+24*	*22*	*23*	*24*	*25=26+27+28*	*26*	*27*	*28*
Tổng nhu cầu vốn		**1705**	**7**	**91**	**156**	**127**	**376**	**205**	**61**	**30**	**112**	**171**	**61**	**22**	**88**	**23,080**	**16,510**	**6,200**	**2,400**	**7,910**	**6,570**	**3,050**	**880**	**2,640**
I	**Tỉnh Hà Giang cũ**	**1,577**	**6**	**83**	**140**	**114**	**339**	**184**	**59**	**29**	**94**	**155**	**57**	**21**	**77**	**20,970**	**14,970**	**6,000**	**2,320**	**6,650**	**6,000**	**2,850**	**840**	**2,310**
1	Xã Lũng Cú	107		11	3	6	20	20	8	5	7					1,690	1,690	800	400	490				
2	Xã Đồng Văn	20		2	1	1	4	3	1		2	1			1	270	240	100		140	30			30
3	Xã Sà Phìn	10		3			3	3	3							300	300	300						
4	Xã Phố Bảng	2		1			1	1	1							100	100	100						
5	Xã Sơn Vĩ	63		5	6		11	11	4		7					890	890	400		490				
6	Xã Mèo Vạc			1			1	1			1					70	70			70				
7	Xã Niêm Sơn	21				3	3	2	1	1		1	1			230	180	100	80		50	50		
8	Xã Khâu Vai	7				1	1					1	1			50					50	50		
9	Xã Thắng Mố	92		13	3	2	18	16	6	2	8	2	1	1		1,410	1,320	600	160	560	90	50	40	
10	Xã Bạch Đích	58			4	6	10	1			1	9	8		1	500	70			70	430	400		30
11	Xã Yên Minh	298	1	3	38	21	62	29	8	8	13	33	14	3	16	3,650	2,350	800	640	910	1,300	700	120	480
12	Xã Mậu Duệ	65			11		11	3		2	1	8	6	1	1	600	230		160	70	370	300	40	30
13	Xã Đường Thượng	20			2	2	4	2	1	1		2	1		1	260	180	100	80		80	50		30
14	Xã Quản Bạ	5			3	1	4	2	1	1		2	1		1	260	180	100	80		80	50		30
15	Xã Lùng Tám	5			1		1	1	1							100	100	100						
16	Xã Yên Cường	27			3		3	3		1	2					220	220		80	140				
17	Xã Bắc Mê	142		13	10	10	33	12	4	1	7	21	3	2	16	1,680	970	400	80	490	710	150	80	480
18	Xã Giáp Trung	12			1	4	5					5		4	1	190					190		160	30
19	Xã Minh Sơn				1		1					1			1	30					30			30
20	Phường Hà Giang 2	8		1	1	1	3	3	1		2					240	240	100		140				
21	Xã Lao Chải	9		2		1	3	2	1		1	1			1	200	170	100		70	30			30
22	Xã Thuận Hòa	9			1	1	2	1			1	1			1	100	70			70	30			30
23	Xã Linh Hồ	17		3			3	3	3							300	300	300						
24	Xã Vị Xuyên	115		4	22	2	28	26	2	3	21	2			2	1,970	1,910	200	240	1,470	60			60
25	Xã Thượng Sơn	31				5	5					5	3		2	210					210	150		60
26	Xã Tân Quang	4			1		1	1			1					70	70			70				
27	Xã Liên Hiệp	8		1			1	1	1							100	100	100						
28	Xã Hùng An	9				2	2	2			2					140	140			140				

STT	Tên xã	Số khẩu	Gia đình người có công (Thương, bệnh binh; liệt sỹ...)	Mức độ thiệt hại			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Tổng kinh phí (Tr.đ)	Đổ, sập, trôi hoàn toàn; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 100 triệu/hộ; cận nghèo 80 triệu/hộ; hộ khác 70 triệu/hộ				Nhà bị hư hỏng nặng; Hỗ trợ theo các mức hộ nghèo 50 triệu/hộ; cận nghèo 40 triệu/hộ; hộ khác 30 triệu/hộ			
				Thiệt hại hoàn toàn (trên 70 %)	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)		*Tổng số*	Đối tượng hộ			*Tổng số*	Đối tượng hộ				Tổng số	Đối tượng hộ			Tổng số	Đối tượng hộ		
									Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác
1	*2*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=(12+16)*	*12 = (13+14+15)*	*13*	14	*15*	*16=(17+18+19+*	*17*	*18*	*19*	*20=21+25*	*21=22+23+24*	*22*	*23*	*24*	*25=26+27+28*	*26*	*27*	*28*
29	Xã Đồng Yên	31		5	4		9	5			5	4			4	470	350			350	120			120
30	Xã Yên Thành	2			1		1					1			1	30					30			30
31	Xã Tiên Nguyên	10			1	1	2	1	1			1	1			150	100	100			50	50		
32	Xã Tiên Yên	20				5	5					5	1	1	3	180					180	50	40	90
33	Xã Bằng Lang	29			2	4	6	2			2	4			4	260	140			140	120			120
34	Xã Quang Bình	37			5	1	6					6	2	2	2	240					240	100	80	60
35	Xã Thông Nguyên	29			2	4	6	4			4	2		2		360	280			280	80		80	
36	Xã Tân Tiến	8			2		2	2	2							200	200	200						
37	Xã Hoàng Su Phì	35			4	6	10					10	2	1	7	350					350	100	40	210
38	Xã Thàng Tín	4				1	1					1			1	30					30			30
39	Xã Bản Máy	23			4		4	4	1	1	2					320	320	100	80	140				
40	Xã Pờ Ly Ngài	30		6			6	6	5	1						580	580	500	80					
41	Xã Xín Mần	122		5	2	15	22	5	3	1	1	17	11	3	3	1,210	450	300	80	70	760	550	120	90
42	Xã Nấm Dẩn	8				2	2					2			2	60					60			60
43	Xã Trung Thịnh	16		1	1	5	7	1	1			6	1	1	4	310	100	100			210	50	40	120
44	Xã Quảng Nguyên	18	5	5		1	6	5		1	4	1			1	390	360		80	280	30			30
II	**Tỉnh Tuyên Quang cũ**	**128**	**1**	**8**	**16**	**13**	**37**	**21**	**2**	**1**	**18**	**16**	**4**	**1**	**11**	**2,110**	**1,540**	**200**	**80**	**1,260**	**570**	**200**	**40**	**330**
1	Xã Lâm Bình	7			2		2	1	1			1		1		140	100	100			40		40	
2	Xã Nà Hang	36	1	5	1	7	13	6			6	7			7	630	420			420	210			210
3	Xã Chiêm Hóa	27			5	1	6	5			5	1			1	380	350			350	30			30
4	Xã Kim Bình	6			1		1	1			1					70	70			70				
5	Xã Yên Nguyên				1		1	1			1					70	70			70				
6	Xã Trung Hà	8		2			2	2			2					140	140			140				
7	Xã Bạch Xa	4				1	1					1			1	30					30			30
8	Xã Hàm Yên	4			2		2	2			2					140	140			140				
9	Xã Lực Hành	4		1			1	1	1							100	100	100						
10	Xã Kiến Thiết	7			2		2					2	1		1	80					80	50		30
11	Xã Sơn Dương	2			1		1					1	1			50					50	50		
12	Xã Kiên Đài	6				1	1	1		1						80	80		80					
13	Xã Trung Sơn	6				1	1					1	1			50					50	50		
14	Xã Minh Thanh	9				2	2					2	1		1	80					80	50		30
15	Xã Hồng Sơn	2			1		1	1			1					70	70			70				

TỔNG HỢP CHI TIẾT THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở BỊ ẢNH HƯỞNG CƠN BÃO SỐ 10 VÀ MƯA LŨ

(Kèm theo tờ trình /TTr-SNNMT ngày tháng 10 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Biểu số: 02

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
1		*2*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=(12+16)*	*12 = (13+14+15)*	*13*	*14*	*15*	*16=(17+ 18+19)*	*17*	*18*	*19*	
			1714	**7**	**93**	**156**	**127**	**376**	**205**	**62**	**30**	**113**	**171**	**61**	**22**	**88**	
1	**14**	**Xã Minh Ngọc**															
	I	**Thôn Lùng Càng**															
2	**1**	**Xã Bạch Xa**	**4**				**1**	**1**					**1**			**1**	
	I	**Thôn Thăm Bon**															
	1	Đặng Văn Ánh	4				x									1	
3	**11**	**Xã Mậu Duệ**	**65**			**11**		**11**	**3**		**2**	**1**	**8**	**6**	**1**	**1**	
	I	**Thôn Nà Mòn**	**7**					**1**					**1**	**1**			
	1	Vàng A Nguyên	7			x		1					1	1			
	II	**Thôn Nà Luông**	**6**					**1**	**1**			**1**					
	2	Hầu Dùng Cho	6			x		1	1			1					
	III	**Thôn Lầu Khắm**	**8**					**1**					**1**	**1**			
	3	Cháng A Chèm	8			x		1					1	1			
	IV	**Thôn Phiêng Trà**	**4**					**1**	**1**		**1**						
	4	Cháng A Tắc	4			x		1	1		1						
	V	**Thôn Nà Đé**	**3**					**1**					**1**	**1**			
	5	Sùng Sính Mua	3			x		1					1	1			
	VI	**Thôn Tà Chủ**	**8**					**1**					**1**	**1**			
	6	Hoàng A Phà	8			x		1					1	1			
	VII	**Thôn Kéo Hẻm**	**6**					**1**					**1**	**1**			
	7	Lầu Nỏ Sình	6			x		1					1	1			
	VIII	**Thôn Ngam La**	**5**					**1**					**1**			**1**	
	8	Tẩn A Bàu	5			x		1					1			1	
	IX	**Thôn Khuân Săng**	**7**					**1**					**1**		**1**		
	9	Mua Vả Sính	7			x		1					1		1		
	X	**Thôn Khuân Vinh**	**6**					**1**					**1**	**1**			
	10	Chảo Pà Páo	6			x		1					1	1			
	XI	**Thôn Phiêng Chom**	**5**					**1**	**1**		**1**						
	11	Phàn A Bành	5			x		1	1		1						
4	**1**	**Xã Du Già**															
5	**6**	**Xã Quảng Nguyên**	**18**	**5**	**5**		**1**	**6**	**5**		**1**	**4**	**1**			**1**	
	I	**Thôn Cao Sơn**	**8**									**2**					
	1	Triệu Ỳ Chòi	5	TB	x							1					
	2	Triệu Ỳ Phấu	3	TB	x							1					
	II	**Thôn Nậm Lỳ**										**1**					
	3	Triệu Chàn Nhàn (A)		TB	x							1					
	III	**Thôn Nậm Choong**	**3**													**1**	
	4	Đặng Văn Nhụi	3	TB			x									1	
	IV	**Thôn Khâu Rom**	**7**								**1**						
	5	Lù Đức Năm	7		x						1						
	V	**Thôn Vinh Quang**										**1**					
	6	Phượng Chòi Lụa		TB	x							1					
6	**1**	**Xã Lực Hành**	**4**		**1**			**1**	**1**	**1**							
	I	**Thôn Đán Khao**								**1**							
	1	Nông Văn Phụng	4		x					**1**							
7	**13**	**Xã Nà Hang**	**36**	**1**	**5**	**1**	**7**	**13**	**6**			**6**	**7**			**7**	
	I	**Thôn Đán Khao**															
	1	Nguyễn Văn Tuấn	7		x			1	1			1					
	II	**Thôn 13**															
	2	Nguyễn Văn Phượng	**4**			**x**		1	1			**1**					
	3	Hộ Nguyễn Văn Tuấn	7		x			1	1			1					
	III	**Thôn 2**															
	4	Đào Minh Tuấn	2		x			1	1			1					
	5	Đào Thị Thêu	1	khuyết tật	x			1	1			1					
	6	Quan Thị Thinh	1		x			1	1			1					
	7	Quan Văn Hoài	4				x	1					1			1	
	8	Trần Thị Hiền	1				x	1					1			1	

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	9	Nguyễn Xuân Đô	1				x	1					1			1	
	10	Nguyễn Quang Trung	1				x	1					1			1	
	11	Nguyễn Thị Bỉ	2				x	1					1			1	
	12	Dìu Thị Tâm	1				x	1					1			1	
	IV	**Thôn 6**															
	13	Ma Quang Sóng	4				x	1					1			1	
8	**18**	**Xã Thượng Sơn**	**31**				**5**	**5**					**5**	**3**		**2**	
	II	**Thôn Lùng Vùi**															
	7	Triệu Quầy Và	8				x						1			1	
	12	Lý Vần Tô	8				x						1	1			
	13	Lý Chòi Siệu	5				x						1			1	
	III	**Thôn Bản Khóec**															
	16	Đặng Văn Thiền	4				x						1	1			
	18	Hoàng Kim Thiền	6				x						1	1			
9	**1**	**Xã Liên Hiệp**	**8**		**1**			**1**	**1**	**1**							
	I	**Thôn Thượng Nguồn**	**8**					**1**	**1**	**1**							
	1	Hoàng Seo Pao	8		x			**1**	1	**1**							
10	**7**	**Xã Quang Bình**	**37**			**5**	**1**	**6**					**6**	**2**	**2**	**2**	
	I	**Thôn Nặm Qua**															
	1	Triệu Vàn Pú	7			x										1	
	2	Triệu Vần Kinh	4			x									1		
	II	**Thôn Phù Lá**															
	3	Ly Chính Phúc	4			x									1		
	III	**Thôn Nà Mèo**															
	4	Hoàng Văn Cởi	7				x									1	
	IV	**Thôn Tân Tiến**															
	V	**Thôn Thượng Sơn**															
	6	Vàng Văn Nam	6			x								1			
	VI	**Thôn Nam Bình**															
	7	Cháng Seo Chùa	9			x								1			
11	**2**	**Xã Trung Hà**	**8**		**2**			**2**	**2**			**2**					
	I	**Thôn Khuôn Nhòa**						**1**	**1**			**1**					
	1	Phùng Minh Thành	5		x			**1**	1			1					
	II	**Thôn Lang Chua**						**1**	**1**			**1**					
	2	Trịnh Văn Út (Con Trịnh Văn Vĩnh; Chủ hộ)	3		x			**1**	1			1					
12	**3**	**Xã Sà Phìn**	**10**		**3**			**3**	**3**	**3**							
	I	**Thôn Lũng Thầu**															
	1	Hộ Vừ Mí Ly	1		x			1		1							
	II	**Thôn Phìn Sả**															
	2	Hộ Sùng Mí Nhù	*3*		*x*			1		1							
	III	**Thôn Là Chúa Tủng**															
	3	Hộ ông Vừ Phái Lử	6		x			1		1							
13	**2**	**Xã Yên Nguyên**				**1**		**1**	**1**			**1**					
	I	**Thôn Hợp Long 1**															
	II	**Thôn Hợp Long 2**															
	2	Vương Văn Thắng	5			x		**1**	1			1					
14	**5**	**Xã Giáp Trung**	**12**			**1**	**4**	**5**					**5**		**4**	**1**	
	I	**Thôn Bó Lóa**						**1**									
	1	Chảo Văn Chén	6				x	1							1		
	II	**Thôn Nà Viền**						**2**									
	2	Đặng Văn Đồn	6			x		1								1	
	3	Hoàng Văn Thinh	5				x	1							1		
	III	**Thôn Nà Bó**						**2**									
	4	Trương Văn Thi	4				x	1							1		
	5	Bồn Văn Đài	6				x	1							1		
15	**2**	**Xã Lâm Bình**	**7**			**2**		**2**	**1**	**1**			**1**		**1**		
	I	Thôn Nà Co															
	1	Lò A Chài	3			x		**1**	1	**1**							
	2	Hoàng Văn Hàm	4			x		**1**					**1**		1		
16	**10**	**Xã Hàm Yên**	**4**			**2**		**2**	**2**			**2**					
	I	hôn 1 Tân Yên															
	III	Thôn 1 Thuốc Thượng															
	9	Hoàng Thị Dung	2			x		**1**	1			1					

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	IV	**Thôn 2 Việt Thành**															
	10	Hoàng Thị Thắng	2			x						1					
17	**2**	**Xã Tân Tiến**	**8**			**2**		**2**	**2**	**2**							
	I	Thôn Ma Lù Súng															
	1	Thèn Văn Phong	3			x		**1**	1	**1**							
	II	Thôn Cốc Lầy															
	2	Lù Văn Phong	5			x		**1**	1	**1**							
18	**1**	**Xã Thái Bình**															
		Thôn Mỹ Lộc															
19	**4**	**Xã Đường Thượng**	**20**			**2**	**2**	**4**	**2**	**1**	**1**		**2**	**1**		**1**	
	I	**Thôn Cờ Cải**															
	1	Hộ: Ly Mí Sử	4				x	**1**					**1**	1			
	II	**Thôn Chúng Pả**															
	2	Hộ: Giàng Chừ Chơ	8				x	**1**					**1**			1	
	III	**Thôn Lũng Hồ 2**															
	3	Lù Mí Lềnh	6			**x**		**1**	**1**		**1**			####	####	####	
	4	Vừ Sáu Vàng	2			x		**1**	1	1							
20	**6**	**Xã Côn Lôn**															
	I	**Thôn Nà Cào**															
21	**6**	**Xã Chiêm Hoá**	**27**			**5**	**1**	**6**	**5**			**5**	**1**			**1**	
	I	**Thôn Vĩnh Quý**															
	1	Đoàn Thị Thơm	3			x			1			1					
	II	**Thôn Nà Coóc**															
	2	Đặng Thế Oai	*4*			*x*			1			1					
	III	**Thôn Ngoan A**															
	3	Hà Hùng Sáng	5			x			1			1					
	4	Hoàng Văn Sình	7			x			1			1					
	IV	**Thôn Nà Thoi**															
	5	Vũ Công Khẩn	4			x			1			1					
	V	**Thôn Vĩnh Thái**															
	6	Vương Thị Hoa	4				x						1			1	
22	**9**	**Xã Mèo Vạc**			**1**			**1**	**1**			**1**					
	I	Thôn Hấu Chua															
	1	Vàng Mí Chả			x				**1**			1					
	II	Thôn Tìa Chí Đơ															
23	**8**	**Xã Yên Hoa**															
	I	**Thôn Bản Thác**															
24	**2**	**Xã Minh Sơn**				**1**		**1**					**1**			**1**	
		Thôn Ngọc trì															
	1	Nguyễn Văn Vững				x										1	
		Thôn Bình Ba															
25	**3**	**Xã Phố Bảng**	**2**		**1**			**1**	**1**	**1**							
	I	**Thôn Cá Lủng**															
	1	Giàng Mí Cáy	2	Đối tượng bảo trợ	x			1	1	1							
26	**4**	**Xã Đồng Văn**	**20**		**2**	**1**	**1**	**4**	**3**	**1**		**2**	**1**			**1**	
	I	**Thôn Bản Mồ**															
	1	Hoàng A Chuồng	4		x							1					
	II	**Thôn Má Tìa**															
	2	Ly Mí Sính	*5*		*x*					*1*							
	III	**Thôn Thài Phìn Tủng**															
	3	Sùng Mí Pó	2			x						1					
	IV	**Thôn Khía Lía**															
	4	Lầu Vả Chỏ	9				x									1	
27	**8**	**Xã Lũng Phìn**															
28	**13**	**Xã Thượng lâm**															
29	**20**	**Xã Lũng Cú**	**107**		**11**	**3**	**6**	**20**	**20**	**8**	**5**	**7**					
	I	**Thôn Má Lầu A**															
	1	Vàng Chá Sò	7		x			**1**	1		1						
	2	Giàng Mí Dình	6		x			**1**	1			1					
	3	Giàng Mí Thà	4		x			**1**	1	1							
	4	Vàng Mí Súng	5		x			**1**	1			1					
	5	Giàng Mí Chơ	6		x			**1**	1	1							

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	6	Giàng Mí Dính	5		x			**1**	1			1					
	7	Vàng Mí Sau	8		x			**1**	1		1						
	II	**Thôn Cẳng Tằng**															
	8	Giàng Nhìa Lúa	8			*x*		**1**	1			1					
	III	**Thôn Ma Sí B**															
	9	Sùng Mí Và	5		x			**1**	1	1							
	IV	**Thôn Tắc Tằng**															
	10	Lò Văn Thắng	4				x	**1**	1		1						
	V	**Thôn Ma Xí A**															
	11	Hờ Mí Sính	5		x			**1**	1	1							
	VI	**Thôn Thèn Pả**															
	12	Vàng Sìa Sính	6		x			**1**	1	1							
	VII	**Thôn Tả Giao Khâu**															
	13	Mua Pháy Dư	4		x			**1**	1			1					
	VIII	**Thôn Ma Sí B**															
	14	Mua Mí Say	2			x		**1**	1	1							
	15	Ly Mí Mua	5			x		**1**	1		1						
	16	Sùng Sìa Hờ	6				x	**1**	1		1						
	IX	**Thôn Ma Sí A**															
	17	Ly Mí Pó	10				x	**1**	1	1							
	18	Hầu Và Lình	6				x	**1**	1			1					
	X	**Thôn Khai Hoang**															
	19	Vàng Mí Say	2				x	**1**	1			1					
	20	Mua Mí Say	3				x	**1**	1	1							
30	**14**	**Xã Quản Bạ**	**5**			**3**	**1**	**4**	**2**	**1**	**1**		**2**	**1**		**1**	
	IV	**Thôn Ngài Thầu Sảng**															
	5	Ly Di Hòa	5	Hộ nghèo		x								1			
	V	**Thôn Bình Dương**															
	7	Trần Vần Mìn (*Vùng có nguy cơ sạt lở*)	6			x					1						
	8	Tần Phủng Sèng (*Vùng có nguy cơ sạt lở*)	8				x			1							
	VI	**Thôn Nam Sơn**															
	10	Cháng Mí Mỷ	5	Hộ TB		x										1	
31	**5**	**Xã Tiên Yên**	**20**				**5**	**5**					**5**	**1**	**1**	**3**	
	I	**Thôn Tân Bể**															
	1	Tả Văn Hòa	4				x						1			1	
	2	Hoàng Văn Nhạ	5				x						1			1	
	II	**Thôn Sơn Nam**															
	3	Hoàng Văn Biết	*3*				x						1		1		
	III	**Thôn Yên Chàm**															
	4	Tả Văn Sức	*3*				x						1			1	
	IV	**Thôn Hạ Quang**															
	5	Hoàng Văn Giáp	5				x						1	1			
32	**11**	**Xã Sơn Vĩ**	**63**		**5**	**6**		**11**	**11**	**4**		**7**					
	I	**Thôn Khai Hoang I (Thượng Phùng Cũ)**															
	1	Giàng Mí Chứ	6		x					1							
	2	Giàng Mí Sính	7		x					1							
	II	**Thôn Hoa Cà**															
	3	Hờ Mí Lềnh	4			x						1					
	III	**Thôn Khai Hoàng III, (Xín Cái cũ)**															
	4	Hạ Mí Súng	5			x				1							
	IV	**Thôn Lùng Chư**															
	5	Thò Mí Sò	4			x						1					
	V	**Thôn Phe Thán**															
	6	Hoàng Xuân Định	4			x						1					
	7	Hứa Văn Háng	7			x						1					
	VI	**Thôn Xéo Hồ**															
	8	Sình Mí Cơ	7			x				1							
	VII	**Thôn Thín Ngài**															
	9	Sùng Văn Sính	6		x			**1**	1			1					
	VIII	**Thôn Páo Sảng**															

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	10	Sùng Mí Chính	4		x			**1**	1			1					
	IX	**Thôn Ngài Trồ**															
	11	Ly Mí Thò	9		x			**1**	1			1					
33	**3**	**Xã Khâu Vai**	**7**				**1**	**1**					**1**	**1**			
	I	**Thôn Làng Tỉnh Dào B**															
	1	Giàng Mí Già	7				x							1			
34	**9**	**Xã Đồng Yên**	**31**		**5**	**4**		**9**	**5**			**5**	**4**			**4**	
	I	**Thôn Đồng Hương**															
	1	Hộ Trăng Văn Huế	4		x							1					
	2	Hộ Hoàng Thị Thiều	4		x							1					
	3	Hộ Trăng Văn Lạc	3			x										1	
	4	Hộ Hoàng Ngọc Chấn	3			x										1	
	II	**Thôn Bưa**															
	5	Hộ Hà Đức Sền	*3*		*x*							*1*					
	6	Hoàng Kim Viên	4			x										1	
	7	Hộ Hoàng Thế Hạng	4			x										1	
	III	**Thôn Đồng Kem**															
	8	Hộ Lường Thị Thuỳ Chi	5		x							1					
	IV	**Thôn Vĩnh Chà**															
	9	Hộ Hoàng Văn Thoả	1		x							1					
35	**10**	**Xã Thàng Tín**	**4**				**1**	**1**					**1**			**1**	
	IV	**Ngài Trồ**															
	8	Vàng Văn Thức	4				x	1					**1**			1	
36	**8**	**Xã Niêm Sơn**	**21**				**3**	**3**	**2**	**1**	**1**		**1**	**1**			
	V	**Thôn Cốc Pại**															
	5	Sùng Mí Già	9				x							1			
	VI	**Thôn Nà Pinh**															
	6	Sùng Mí SÌ	4				x			1							
	VII	**Thôn Nà Cuổng II**															
	7	Mua Mí Lầu	8				x				1						
37	**10**	**Xã Yên Cương**	**27**			**3**		**3**	**3**		**1**	**2**					
	I	**Thôn Bản Nghè**															
	1	Bàn Văn Póc	5			x					1						
	2	Bàn Văn Đòng	9			x						1					
	III	**Thôn Bản Trà**															
	5	Bàn Văn Lợi	13			x						1					
38	**1**	**Xã Sơn Dương**	**2**			**1**		**1**					**1**	**1**			
	I	**Thôn Tứ Thông**															
	1	Hứa Sỹ Phi	2			X		1						1			
39	**4**	**Xã Trường Sinh**															
40	**28**	**Xã Vị Xuyên**	**115**		**4**	**22**	**2**	**28**	**26**	**2**	**3**	**21**	**2**			**2**	
	I	**Thôn Tân Tiến**						**5**									
	1	Phạm Văn Chuyển	6		x			1	1			1					
	2	Đinh Thị Mỹ	2		x			1	1			1					
	3	Nguyễn Thị Lá	5		x			1	1		1						
	4	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	2		x			1	1		1						
	5	Kiều Hồng Sang	5				x	1					1			1	
	II	**Thôn Làng Mới**						**1**									
	6	Đỗ Văn Cường	4				x	1					1			1	
	III	**Làng Vàng II**						**20**									
	7	Hoàng Xuân Mai	9			x		1	1			1					
	8	Đặng Văn Sảng	4			x		1	1			1					
	9	Nguyễn Văn Tài	2			x		1	1	1							
	10	Hà Văn Đắc	6			x		1	1			1					
	11	Hà Văn Huỳnh	4			x		1	1			1					
	12	Đặng Thị Pày	2			x		1				1					
	13	Phàn Văn Kiên	2			x		1				1					
	14	Đặng Văn Đùi	7			x		1				1					
	15	Phàn Thị Hoa	6			x		1				1					
	16	Phàn Văn Si	4			x		1				1					
	17	Đặng Văn Vàn	3			x		1				1					
	18	Đặng Thị Sửu	1			x		1			1						

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	19	Đặng Văn Công	5			x		1				1					
	20	Đặng Văn Toòng	7			x		1				1					
	21	Đặng Văn Thách	3			x		1				1					
	22	Đặng Văn Dân	5			x		1				1					
	23	Trương Văn Thuỳ	4			x		1				1					
	24	Nguyễn Việt Thắng	2			x		1				1					
	25	Hoàng Văn Đoàn	4			x		1		1							
	26	Hoàng Văn Thành	3			x		1				1					
	IV	**Thôn 14**						**2**									
	27	Nguyễn Văn Trưởng	4			x		1	1			1					
	28	Hoàng Văn Dũng	4			x		1	1			1					
41	**110**	**Xã Yên Minh**	**298**	**1**	**3**	**38**	**21**	**62**	**29**	**8**	**8**	**13**	**33**	**14**	**3**	**16**	
	1	**Khai Hoang 2**															
	1	Vừ Mí Say	6				1	1					1	1			
	2	**Bản Chang**															
	2	Nguyễn Văn Dích	4			1		1					1			1	
	3	**Lao Và Chải**															
	3	Vàng Mí Pó	6				1	1					1	1			
	4	Vàng Chá Thào	5				1	1					1	1			
	5	Vàng Phái Lềnh	9				1	1					1	1			
	7	Vừ Mí Lử	8				1	1					1	1			
	8	Vừ Súa Và	8			1		1	1			1					
	9	Vừ Mí Chúng	3			1		1	1			1					
	4	**là Lũng**															
	10	Giàng Thị Chúa	5			1		1					1	1			
	5	**Pắc Ngàm**															
	7	**Nậm Ngái**															
	13	Lý Thìn Cao	4				1	1					1		1		
	8	**Túng Tẩu**															
	15	Vàng Mí Lềnh	6				1	1					1	1			
	16	Giàng Chá Và	8		1			1					1			1	
	9	**Nà Mạ**															
	18	Đỗ Xuân Chiều	6			1		1					1			1	
	19	Giàng Văn Đoàn	4			1		1	1			1					
	10	**Đăng vai**															
	11	**Khâu Nhịu**															
	12	**Khâu Lý**															
	28	Mùng Văn Hương	4				1	1					1	1			
	29	Nguyễn Trọng Nghĩa	5				1	1					1			1	
	13	**Nà Quang**															
	31	Nguyễn Thị Kiên	2			1		1					1			1	
	32	Nguyễn Thị Huy	3			1		1	1			1					
	33	Tải Thị Duyên	6			1		1	1			1					
	34	Nguyễn Văn Nghiệp	4		1			1	1		1						
	14	**Po Mu**															
	40	Cháu Minh Lù	4	Gia đình Liệt sỹ		1		1	1			1					
	44	Vàng Văn Trường	7			1		1	1	1							
	48	Vần Mí Sính	4			1		1	1	1							
	15	**Nà Nhuông**															
	49	Hoàng Văn Bằng	3				1	1					1			1	
	16	**Lùng Vái**															
	50	Lù Thị Dung	6		1			1	1	1							
	51	Lù A Yêu	5			1		1	1			1					
	17	**Lao Sì Lũng**															
	52	Và Chá Pó	8			1		1					1			1	
	53	Và Chúa lầu	6			1		1					1			1	
	18	**Bản Trưởng**															
	54	Nguyễn Văn Niêm	4			1		1	1		1						

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	19	**Tàng Rêu**															
	20	**Bản Lò**															
	57	Mùng A Hiên	4			1		1	1			1					
	21	**Thôn 6**															
	58	Lâm Minh Đường	4				1	1					1			1	
	59	Nguyễn Văn Hùng	3				1	1					1	1			
	22	**Nà Trò**															
	61	Lục Văn Quy	4			1		1					1			1	
	23	**Phắc Nghè**															
	24	**Chi sang**															
	75	Thào Mí Pó	7			1		1	1	1							
	76	Thào Mí Hờ	4			1		1	1			1					
	25	**Xín Chải**															
	77	Lù Chúng Dình	12			1		1	1	1							
	78	Lù Chá Dính	9			1		1					1	1			
	79	Lù Mí Nu	5			1		1	1			1					
	26	**Bản Uốc**															
	80	Hò A Phìn	3			1		1	1		1						
	81	Hoàng Văn Sơn	5			1		1					1	1			
	27	**Nà Noong**															
	82	Hà Đức Minh	3				1	1					1			1	
	28	**Đầu Cầu**															
	83	Vương Thị Hướng	2				1	1					1			1	
	29	**Nà Hán**															
	30	**Bản Xương**															
	86	Hò A Dùng	7			1		1					1			1	
	31	**Tu Đoóc**															
	87	Tháng Manh Tiến	6			1		1	1			1					
	88	Tháng A Lâm	4			1		1	1			1					
	89	Tháng Văn Quý	4			1		1	1			1					
	90	Tháng A Lèng	2			1		1	1	1							
	91	Tháng A Thi	4			1		1	1	1							
	92	Mùng Văn Đường	4				1	1					1			1	
	93	Tháng Minh Phụ	4				1	**1**					1			1	
	94	Hò A Đạo	2				1	**1**					1	1			
	32	**Bục Bản**															
	95	Vàng Văn Quân	4				1	1					1		1		
	96	Hò Văn Khuynh	3			1		1	1		1						
	97	Hò A Khiên	5			1		1	1		1						
	98	Lục Thị Binh	3			1		1	1		1						
	99	Cháu Thị Dương	2			1		1	1		1						
	100	Vàng Văn Huân	4			1		1					1			1	
	101	Phan Hữu Chiến	4				1	1					1	1			
	102	Phan thị Xuân	3			1		1	1		1						
	33	**Nà Rược**															
	103	Hò A Chương	4			1		1					1		1		
	104	Vàng Văn Mìn	6				1	1					1	1			
	34	**Nà Báng**															
	35	**Pa Pao**															
	36	**Phiêng Trà**															
	110	Tẩn chúng Dìn	5				1	1	1	1							
42	**48**	**Xã Bắc Mê**	**142**		**13**	**10**	**10**	**33**	**12**	**4**	**1**	**7**	**21**	**3**	**2**	**16**	
	I	**Thôn Pắc Mia**						**11**									
	1	Hán Ngọc Đăng	8			x		1								1	
	2	Phạm Thị Sen	2			x		1								1	
	3	Hoàng Thị Cứu	3			x		1								1	
	4	Sầm Văn Phúc	4			x		1								1	
	5	Mai Xuân Thuyên	3			x		1								1	
	6	Nguyễn Thị Lượng	4		x			1								1	
	7	Nguyễn Thị Mận	5				x	1								1	
	8	Trần Quang Cảnh	2		x			1				1					
	9	Nguyễn Thị Thơm	4		x			1				1					
	10	Nông Thị Uy	3		x			1				1					

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	11	Trần Văn Giang	4		x			1				1					
	II	**Thôn Nà Pâu**						**1**									
	13	Phan Văn Long	4				x	1								1	
	III	**Thôn Bản Noong**						**3**									
	15	Chu Thị Tình	4		x			1		1							
	16	Hoàng Thị Lanh	3		x			1		1							
	18	Hoàng Xuân Mạo	6				x	1							1		
	IV	**Thôn Nà Nèn**						**1**									
	24	Nguyễn Văn Hinh	5		x			1		1							
	V	**Thôn Bản Sáp**						**1**									
	29	Trần Văn Thìn	3		x			1		1							
	VI	**Thôn Yên Cư**						**2**									
	30	Bồn Văn Nhàn	4		x			1			1						
	31	Đặng Thị Thính	2				x	1						1			
	VII	**Thôn Giáp Yên**						**2**									
	32	Đặng Văn Sân	5			x		1						1			
	33	Đặng Văn Săn	4			x		1						1			
	VIII	**Thôn Bản Khén**						**8**									
	36	Nguyễn Văn Thiết	6				x	1								1	
	37	Lã Văn Thài	5				x	1								1	
	38	Nguyễn Văn Chinh	7			x		1								1	
	39	Nguyễn Văn Khoát	4				x	1							1		
	40	Nguyễn Xuân Đỗ	6			x		1								1	
	41	Phan Văn Thoát	6				x	1								1	
	43	Nguyễn Thị Hảo	2			x		1								1	
	44	Lã Văn Nhớ	8				x	1								1	
	IX	**Thôn Nà Đon**						**1**									
	45	Bồn Văn Quản	4				x	1								1	
	X	**Thôn Pắc Sáp**						**3**									
	46	Nguyễn Tiến Tiến	4		x			1				1					
	47	Nguyễn Văn Tuấn	4		x			1				1					
	48	Nguyễn Đức Bắc	4		x			1				1					
43	**21**	**Xã Đường Hồng**															
	I	**Nà Khâu**															
	II	**Khuổi Mạ**															
	III	**Tắn Khâu**															
44	**1**	**Xã Hồng Sơn**	**2**			**1**		**1**	**1**			**1**					
	I	**Thôn Kim Xuyên**	**2**			1		1	1			1					
	1	Hộ Đoàn Thị Thuận	2	Khác		x		1	1			1					
45	**1**	**Xã Ngọc Long**															
46	**1**	**Xã Bình Xa**															
47	**2**	**Xã Kiến Thiết**	**7**			**2**		**2**					**2**	**1**		**1**	
		Tổng toàn xã															
	I	**Thôn Đồng Khẩn**															
	1	Hộ Bà Phạm Thị Quy	2	không		x										x	
	II	**Thôn Khuổi Khít**															
	2	Hộ Ông Sàng Seo Nhà	*5*	*Không*		*x*								*x*			
48	**21**	**Xã Thắng Mố**	**92**		**13**	**3**	**2**	**18**	**16**	**6**	**2**	**8**	**2**	**1**	**1**		
	I	**Lùng Pủng A**															
	1	Mua Mí Thào	5		x			1	1	1							
	2	Mua Dũng Lình	8		x							1					
	3	Cháng Mí Pó B	7			x				1							
	4	Mua Mí Sử	6		x						1						
	5	Giàng Mí Sử	10		x					1							
	II	**Thôn Sủng Sảng**															
	6	Vàng Mí Nổ	10				x								1		
	III	**Thôn Hồng Ngài C**															
	7	Sính Mí Phỏng	5			x						1					
	8	Mua Mí Vư	5			x				1							
	IV	**Hồng Ngài B**															
	10	Vừ Sè Phứ	4		x							1					
	V	**Thôn Cháng Lộ**															
	11	Cứ Mí Sử	4		x					1							

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	12	Mua Mí Chính	4		x							1					
	13	Mua Mí Dình	3		x							1					
	14	Giàng Sính Hồ	3		x						1						
	15	Giàng Chừ Páo	8		x					1							
	16	Giàng Sè Sính			x							1					
	17	Giàng Mí Cháng B	9		x							1					
	VI	**Thôn Trù Xá**															
	VII	**Thôn Xà Ván B**															
	VIII	**Thôn Mào Phố B**															
	20	Giàng Sáy Lầu			*x*							*1*					
	IX	**Thôn Suối Tỷ**															
	21	Giàng Thị Sính	1				x							1			
49	**20**	**Xã Trung Thịnh**	**16**		**1**	**1**	**5**	**7**	**1**	**1**			**6**	**1**	**1**	**4**	
	I	**Thôn Ngài Thầu**															
	1	Giàng Seo Sấn	1		x					1							
	III	**Thôn Na Mở**															
	3	Ly Văn Tiến	4				x									1	
	V	**Thôn Hồ Thầu**															
	VI	**Thôn Sủng Lẫm**															
	5	Hoàng Văn Kim	6			x										1	
	VII	**Thôn Nàng Vạc**															
	11	Lù Văn Đức	5				x								1		
	VIII	**Thôn Cốc Đông 2**															
	12	Cháng Văn Kinh	6				x									1	
	IX	**Thôn Lủng Cháng**															
	X	**Thôn Pạc Tiến**															
	XI	**Thôn Nàng Cút**															
	XII	**Thôn Lùng Vai**															
	19	Vàng Thị Cọt	4				x									1	
	XIII	**Thôn Hô Sán**															
	20	Giàng Seo Sèo	4				x							1			
50	**1**	**Xã Kim Bình**	**6**			**1**		**1**	**1**			**1**					
	I	**Thôn Vĩnh Bảo**										**1**					
	1	Nguyễn Thị Thái	6	-	-	X	-					1					
51	**3**	**Xã Linh Hỗ**	**17**		**3**			**3**	**3**	**3**							
	I	**Thôn Đội 5**						3	3	3							
	1	Sùng Mí Sa	6		x			1	1	1							
	2	Sùng Mí Dế	5		x			1	1	1							
	3	Chảo Thị Mủi	6		x			1	1	1							
52	**10**	**Xã Hoàng Su Phì**	**35**			**4**	**6**	**10**					**10**	**2**	**1**	**7**	
	I	**Thôn Bản Cậy**															
	1	Dương Văn Chuyền	3			x							1			1	
	2	Hoàng Văn Hiếu	4			x							1	1			
	II	**Thôn Nắm Ản**															
	3	Sin Sào Chỉ	4				x									1	
	III	**Thôn Bản Luốc**															
		Thôn Thiêng Khum Hạ															
	4	Nguyễn Văn Lệnh	4				x									1	
		Thôn 4															
	5	Lộc Xuân Chảo	6			x										1	
	6	Vương Văn Giang	3				x								1		
	IV	**Thôn Cao Sơn 2**															
	7	Lý Kim Lào	5				X									1	
	V	**Thôn 1**															
	8	Hoàng Quốc Toàn	2			X										1	
	VI	**Thôn Cán Chỉ Dèn**															
	9	Sèn Văn Nam					x									1	
	VII	**Thôn Nà Hu**															
	10	Giàng Seo Dương	4				x							1			
53	**40**	**Xã Bạch Đích**	**58**			**4**	**6**	**10**	**1**			**1**	**9**	**8**		**1**	
	I	**Thôn Na Pô**															
	1	Phàn Chỉn Tiến	6			x						1					
	2	Lý Seo Sáng	6			x								1			
	5	Tẩn Chỉn Phà	2				x							1			

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	II	**Thôn Đoàn Kết**															
	6	Phàn Tờ Mìn	7				x									1	
	III	**Thôn Thèn Phùng**															
	7	Vấn Chỉn Dùng	*7*			*x*								*1*			
	8	Tẩn Thìn Phù	*3*			*x*								*1*			
	III	**Thôn Lùng Vái 1**															
	9	Lù Chẩn Thoa	6				x							1			
	IV	**Thôn Bản Đả**															
	V	**Thôn Cốc Pục**															
	VI	**Thôn Na Sàng 2**															
	VII	**Thôn Na Sàng 3**															
	18	Lục Văn Vẻ	7				x							1			
	VIII	**Thôn Na Ca**															
	IX	**Thôn Phú Tỷ I**															
	26	Phàn A Póc	8				x							1			
	X	**Na Kinh**															
	32	Lý Vần Cò	6				x							1			
	XI	**Thôn Rản Rào**															
54	**16**	**Xã Bản Máy**	**23**			**4**		**4**	**4**	**1**	**1**	**2**					
	I	**Thôn Tả Chải**															
	1	Tráng Chín Tồng	5			x				1							
	II	**Thôn Phủng Cá**															
	3	Vương Đức Chinh	6			x						1					
	III	**Thôn Lùng Cẩu**															
	8	Lý Văn Sơn	5			x					1						
	IV	**Pu Mo**															
	9	Vương Chính Phong	7			x						1					
55	**4**	**Xã Khuôn Lùng**															
56	**9**	**Xã Pờ Ly Ngài**	**30**		**6**			**6**	**6**	**5**	**1**						
	I	**Thôn Suôi Thầu**															
	1	Vàng Seo Lao	4		x					1							
	II	**Thô Thèn Ván**															
	2	Hầu Seo Xà	*4*		x					1							
	3	Giàng Seo Giáo	9		x					1							
	4	Giàng Seo Dì	5		x					1							
	5	Giàng Seo Sử A	4		x					1							
	6	Giàng Seo Da	4		x						1						
57	**60**	**Xã Xín Mần**	**122**		**5**	**2**	**15**	**22**	**5**	**3**	**1**	**1**	**17**	**11**	**3**	**3**	
	I	**Thôn Cốc Tủm**															
	1	Vàng Văn Chi	6			x		**1**					1		1		
	II	**Thôn Đông Lợi**															
	2	Ly Chín Phong	*5*			*x*		**1**					*1*	*1*			
	3	Lùng A Phà	*6*				*x*	**1**					*1*			1	
	II	**Thôn Đông chè**															
	III	**Thôn Suối Thầu 1**															
	9	Tẩn Văn Sơn B	*6*		*x*			**1**	*1*			*1*					
	10	Phàn Văn Thèn	*5*				*x*	**1**					*1*			1	
	IV	**Thôn Tả Mù Cán**															
	V	**Thôn Khâu Táo**															
	15	Lèng Văn Chương	5				x	**1**					1		1		
	VI	**Thôn Sả chải**															
	20	Sèn Sín Chi	6				x	**1**					1	1			
	22	Lù Tin Lăm	6				x	**1**					1	1			
	24	Vùi Ngẫm Thiêm	5				x	**1**					1	1			
	28	Ly Đức Dương	6		x			**1**	1	1							
	VII	**Thôn Bản Phố**															
	VIII	**Thôn Díu Hạ**															
	34	Vương Văn Phô	6				x	**1**					1			1	
	37	Long Tiến Chi	5				x	**1**					1	1			

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	38	Vương Tiến Chương	4				x	**1**					1		1		
	IX	**Thôn Díu Thượng**															
	40	Nông Văn Dương	6				x	**1**					1	1			
	41	Lù Chính Thắng	5				x	**1**					1	1			
	42	Sùng Kháy Min	5				x	**1**					1	1			
	43	Ma Seo Tinh	6				x	**1**					1	1			
	X	**Thôn Péo Suôi Ngài**															
	45	Sùng Dùng Lao	7				x	**1**					1	1			
	XII	**Thôn Chí Cà Thượng**															
	49	Ma Seo Tính	5				x	**1**					1	1			
	XIII	**Thôn Xín Mần**															
	XIV	**Thôn Ngam Lim**															
	57	Lùng Seo Lương	6		x			**1**	1	1							
	XVIII	**Thôn Na Lũng**															
	58	Long Đức Tiến	5		x			**1**	1		1						
	XIX	**Thôn Na Sai**															
	59	Vàng Díu Văn	6		x			**1**	1	1							
	XX	**Thôn Pố Cổ**															
58	**6**	**Xã Thượng Nông**															
59	**40**	**Xã Thông Nguyên**	**29**			**2**	**4**	**6**	**4**			**4**	**2**		**2**		
	I	**Thôn Sơn Quang**															
	1	Phùng Văn Chìu	4				x								1		
	III	**Thôn Bản Giàng**															
	6	Hoàng Văn Cường	6			x						1					
	7	Đặng Văn Kế	6				x					1					
	13	Triệu Mùi Pú	4				x								1		
	VII	**Thôn Pắc Pèng**															
	21	Triệu Chòi Chiêm	5				x					1					
	XI	**Thôn Xuân Thành**															
	39	Đặng Sùn Sín	4			x						1					
	XII	**Thôn Nậm Hồng**															
60	**2**	**Xã Nấm Dẩn**	**8**				**2**	**2**					**2**			**2**	
		Thôn Nấm pé															
	1	Lèng Văn Đông	*4*				*1*									1	
		Thôn Vai Lũng															
	2	Xin Kháy Vần	4				1									1	
61	**11**	**Xã Bằng Lang**	**29**			**2**	**4**	**6**	**2**			**2**	**4**			**4**	
	I	**Thôn Thượng**															
	2	Lê Mạnh Kình	5				x	1					1			1	
	3	Phàn Văn Hiên	7				x	1					1			1	
	II	**Thôn Trung**															
	6	Hoàng Anh Tuấn	4			x		1	1			1					
	7	Nguyễn Văn Huy	4				x	1					1			1	
	III	**Thôn Thượng Bằng**															
	9	Xôn Văn Man	6			x		1	1			1					
	IV	**Thôn Xuân Phú**															
	10	Nguyễn Văn Nam	3				x	1					1			1	
62	**1**	**Xã Tân Quang**	**4**			**1**		**1**	**1**			**1**					
		Thôn Tân Thắng															
	1	Nguyễn Thị Vân	4			x		1	1			1					
63	**29**	**Xã Nậm Dịch**															
64	**3**	**Xã Lao Chải**	**9**		**2**		**1**	**3**	**2**	**1**		**1**	**1**			**1**	
	I	**Thôn Tả Ván**	**9**		**2**			**2**	**2**	**1**		**1**					
	1	Triệu Quang Minh	4	Hộ nghèo	X			1	1	X							
	2	Bồn Văn Giàng	5	Hộ khác	X			1	1			X					
	II	**Thôn Bản Phùng**					1										
	3	Vàng Seo Lòng		Hộ khác			X	1					1			X	
65	**2**	**Xã Thuận Hoà**	**9**			**1**	**1**	**2**	**1**			**1**	**1**			**1**	
		Thôn Mịch A															
	1	Phàn Văn Chanh	5				x	1								x	
	2	Nguyễn Lưu Niệm	4			x		1				x					
66	**17**	**Xã Hùng An**	**9**				**2**	**2**	**2**			**2**					
	I	**Thôn Kim**															

STT		Tên xã/thôn/hộ	Số khẩu	Gia đình người có công (ghi rõ thuộc đối tượng: Thương binh; liệt sỹ; hoặc đối tượng chính sách khác)	Mức độ thiệt hại (hộ ảnh hưởng mức nào thì chọn đánh dấu "x" cột đó			Tổng số hộ	Hộ làm nhà mới				Hộ sửa chữa nhà ở				Ghi chú
										Đối tượng hộ				Đối tượng hộ			
Xã	Thôn /hộ				Nhà bị sập; đổ; trôi; thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%	Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%		*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	*Tổng số*	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khác	
	II	**Thôn Giàn Thượng**															
	6	Đặng Văn Lực	5				x	1				1					
	III	**Thôn Thượng Cầu**															
	14	Đặng Văn Mạnh	4				x	1				1					
	IV	**Thôn Việt Thắng**															
Số liệu bổ sung từ ngày 09 đến ngày 15/10/2025																	
67	3	**Phường Hà Giang 2**	**8**		**1**	**1**	**1**	**3**	**3**	**1**		**2**					
		Tổ 9 Quang trung															
	1	Hoàng Tuấn Kiệt	3		x			1	1			1					
		Tổ 5 Quang Trung															
	2	Phạm Thị Sâm	2			x		1	1			1					
		Tổ 2 Ngọc Hà															
	3	Trần Thị Tuyết	3				x	1	1	1							
68	2	**Xã Tiên Nguyên**	**10**			**1**	**1**	**2**	**1**	**1**			**1**	**1**			
		Thôn Xuân Hoà															
	1	Xiếm Tà Sơn	4			x				1							
		Thôn Xuân Hồng															
	2	Hoàng Văn Hạc	6				x							1			
69	3	**Xã Trung Sơn**	**6**				**1**	**1**					**1**	**1**			
		Thôn Ngòi Nghìn															
	1	Lù Seo Vần	6				x							1			
70	1	**Xã Yên Thành**	**2**			**1**		**1**					**1**			**1**	
		Thôn Bản Rịa															
	1	Hoàng Thị Chiến	2			x							1			1	
71	1	**Xã Kiên Đài**	**6**				**1**	**1**	**1**		**1**						
		Thôn Khun Cúc															
	1	Vì Thị Lô	6				x				1						
72	1	**Xã Lùng Tám**	**5**			**1**		**1**	**1**	**1**							
		Thôn Nà Sài															
	1	Cháng Tải Nguyên	5			x				1							
73	2	**Xã Minh Thanh**	**9**				**2**	**2**					**2**	**1**		**1**	
		Thôn Cò															
	1	Hộ Ma Quang Biên	6				x									1	
		Thôn Đồng Quan															
	2	Hộ Ma Văn Công	3				x							1			